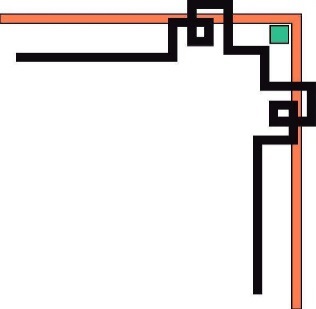
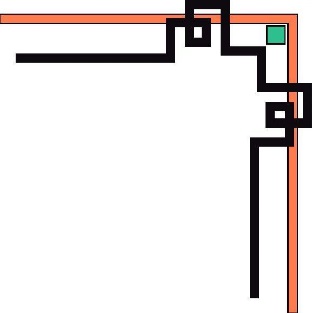
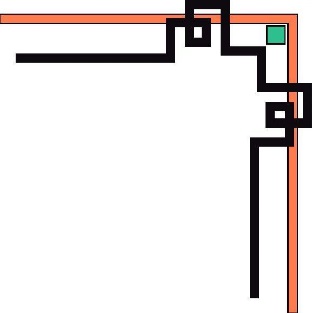
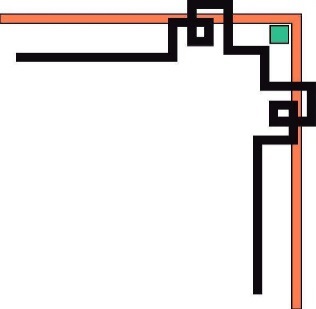
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

##### -----o0o-----

***BÀI TẬP***

**KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2**

##### .

PHAN THIẾT 2020

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

**CHƯƠNG 1 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

**Bài 1:**

Công ty Phước Hải kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu có các số liệu liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và kinh doanh trong các kỳ kế toán như sau:

Tài liệu 1: số dư đầu lỳ của một số tài khoản:

– Tài khoản 121                                                160.000.000 đồng

* Tài khoản 1211 Phước Bình (4.000 cổ phiếu)                80.000.000 đồng
* Tài khoản 1212 (80 tờ trái phiếu)                                     80.000.000 đồng

Tài khoản 128 *(Đầu tư ngắn hạn khác)*                           1.400.000.000 đồng

* Tài khoản 1281 Đông Á (kỳ hạn 3 tháng) 300.000.000 đồng
* Tài khoản 1281 Việt Á (kỳ hạn 6 tháng) 500.000.000 đồng
* Tài khoản 1288 Thanh Bình                                           600.000.000 đồng

– Tài khoản 131 Hà Linh                                                         200.000.000 đồng

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1)    Mua 50 trái phiếu của ngân hàng Việt Á mệnh giá 1.000.000 đồng, thời hạn 6 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, thu lãi định kỳ hàng tháng, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

2)    Công ty Thanh Bình vay công ty Phước Hải 200.000.000 đồng bằng chuyển khoản, công ty đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng, lãi suất 1%/tháng, nhận lãi hàng tháng.

3)    Chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào công ty Thanh Bình trị giá gốc của khoản đầu tư chuyển nhượng là 500.000.000 đồng, giá bán thu về bằng chuyển khoản là 560.000.000 đồng, chi phí phát sinh liên quan đến việc chuyển nhượng vốn đầu tư thanh toán bằng tạm ứng là 12.000.000 đồng.

4)    Công ty chuyển khoản gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 10%/năm, nhận lãi hàng tháng tại ngân hàng HSB số tiền 200.000.000 đồng, công ty đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng.

5)    Hạn thu nợ đối với công ty Thanh Bình đã trễ, công ty thanh đề nghị thanh toán số nợ  là 300.000.000 đồng bằng 225 tờ trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/tờ, thời hạn 5 năm, lãi suất 10%/năm, nhận lãi 1 lần khi đáo hạn, cho biết số công trái này có hiệu lực 1 năm, công ty đã đồng ý phương án thu hồi nợ.

6)    Công ty Hà Linh trả nợ cho công ty 200.000.000 đồng bằng 150 trái phiếu là 1.000.000 đòng, thời hạn 5 năm, lãi suất 10%năm, lãnh lãi 1 lần khi đáo hạn, cho biết trái phiếu này có hiệu lực 1 năm. Công ty đã đồng ý phương thức trả nợ này.

**Bài 2:**

1)    Chuyển 300.000.000đ tiền gởi thanh toán không kỳ hạn tại ngân hàng BIDV sang tiền tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng, cũng tại ngân hàng này.

2)    DN chi tiền mặt cho Công ty A vay 600.000.000đ, thời hạn 12 tháng.

3)    Đầu tư 300.000.000đ tiền mặt vào Công ty TNHH ABC, thời hạn 12 tháng. Đến ngày đáo hạn, Công ty ABC không thể trả bằng tiền cho DN quyết định trả bằng TSCĐ, hội đồng liên doanh đánh giá: 102.000.000đ.

4)    Đến hạn hợp đồng cho vay, Công ty A chuyển khoản trả nợ. Hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng.

5)    DN chuyển khoản đầu tư 150.000.000đ không kỳ hạn tại Công ty Mai Lan sang đầu tư chứng khoán ngắn hạn của Công ty này.  

**Bài 3:**

Số dư đầu kỳ của tài khoản 229: 5.000.000 (đồng). Đầu kỳ doanh nghiệp có 1000 cổ phiếu giá 100.000 (đồng) / cổ phiếu trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ sau:

1)    Đầu tư khác 100.000.000 (đồng) chi bằng chuyển khoản

2)    Bán 700 cổ phiếu thu bằng chuyển khoản giá bán 110.000 (đồng/ cổ phiếu), hoa hồng trả cho người môi giới 1%/ giá bán bằng tiền mặt.

3)    Nhận thông báo chia cổ tức cho 300 cổ phiếu đang sở hữu còn lại. tỷ lệ chia cổ tức là 20%/ mệnh giá, biết mệnh giá cổ phiếu là: 15.000 (đồng/ cổ phiếu).

4)    Doanh nghiệp nhận được 10.000.000 (đồng) từ chuyển khoản do đầu tư vào các khoản khác ở nghiệp vụ (1).

5)    Doanh nghiệp bán 100 cổ phiếu thu bằng chuyển khoản giá 120.000 (đồng/ cổ phiếu). hoa hông môi giới là 1.000.000 (đồng) trả bằng tiền mặt.

6)    Doanh nghiệp mua thêm 500 cổ phiếu giá 90.000 (đồng/ cổ phiếu), chưa thanh toán cho người bán, chi phí môi giới là 1.000.000 (đồng) trả bằng chuyển khoản.

7)    Gửi 500.000.000 đồng tiền mặt vào ngân hàng với kì hạn 1 năm. Giả sử đã thu được tiền lãi, lãi suất 15%/năm.

8)    Bán 300 cổ phiếu giá bán 120.000 (đồng/ cổ phiếu) thu bằng chuyển khoản, chi phí trả 1%/ giá bán cho người môi giới bằng tiền mặt.

***Yêu cầu:*** định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đánh giá lại cổ phiếu đang nắm giữ khi giá thị trường còn 90.000 (đồng/ cổ phiếu). Biết doanh nghiệp xuất theo phương pháp FIFO.

**Bài 4:**

Doanh nghiệp Minh Hùng có

SDĐK:

–        TK 111: 250.000.000đ

–        TK 112: 200.000.000đ

–         TK 156 (1.000 sp A): 200.000.000đ

–         TK 228X (1.000 CP): 300.000.000đ

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ sau:

1)    Cho công ty Hoàng Hải vay ngắn hạn 200 triệu đồng bằng chuyển khoản, công ty đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng

2)    Góp vốn đầu tư ngắn hạn vào công ty Hưng Bình 1.000 sản phẩm A, được các bên liên quan đánh giá là 190.000đ/sp

3)    Chuyển số cổ phiếu dài hạn X thành số cổ phiếu ngắn hạn

4)    Nhận lãi vay bằng chuyển khoản 10 triệu đồng do công ty Hoàng Hà vay ngắn hạn (nv 1)

5)    Công ty trích quỹ tiền mặt gửi tiền có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng ACB số tiền 250 triệu đồng, công ty đã nhận được giấy báo có của ngân hàng.

***Yêu cầu***: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

**Bài 5:**

Tại một doanh nghiệp trong kì có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1)    Doanh nghiệp đem tiền mặt đi đầu tư công trình ngắn hạn trị giá  50.000.000đ

2)    Đem một tài sản cố đinh nguyên giá 100.000.000đ đi đầu tư ngắn hạn, biết giá của hội đồng thẩm định là 110.000.000đ

3)    Chi tiền gửi ngân hàng 10.000.000đ cho công ty A vay, thời hạn 6 tháng,lãi suất 1% /tháng. Thu hồi lãi khi đáo hạn

4)    Công ty C đem trả cả vốn lẫn lãi từ số nợ cho vay 3 tháng trước, biết số tiền cho vay 20.000.000đ, lãi suất 5%

5)    Góp vốn đầu tư vào công ty B bằng một TSCĐ nguyên giá 80.000.000đ, đã khấu hao 10%. vốn góp được tính là 70.000.000đ. Chi phí trong quả trình bàn bạc kí hợp đồng là 1.000.000đ, chi phí vận chuyển là 800.000 (chưa bao gồm thuế VAT 10%), tất cả trả bằng tiền mặt.

Bài 6.

Công ty Việt Hà kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. có các số liệu liên quan đến hoạt động đầu tư như sau:

Tài liệu 1: số dư đầu kỳ của 1 số tài khoản:

- Tài khoản 121: 60.000.000 đồng (Đầu tư chứng khoán ngắn hạn)

Tài khoản 1211 An Việt (2.000 cổ phiếu) 40.000.000 đồng

Tài khoản 1212 ABC (20 tờ trái phiếu) 20.000.000 đồng

- Tài khoản 128: 800.000.000 đồng

Tài khoản 1281 Đông Á (kỳ hạn 6 tháng) 300.000.000 đồng

Tài khoản 1282 Việt Thành 500.000.000 đồng

- Tài khoản 331 Hưng Phát: 120.000.000 đồng

Tài liệu 2: trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1) Mua 50 tờ kỳ phiếu của ngân hàng Việt Nam Thương Tín Ngân hàng mệnh giá 1.000.000 đồng, thời hạn 6 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, thu lãi định kỳ hàng thàng, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

2) Cho công ty Hoàng Hà vay ngắn hạn 200.000.000 đồng bằng chuyển khoản, công ty đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

3) Công ty mua 4.000 cổ phiếu của công ty Việt Binh với giá 13.750 đồng/ cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, chi phí môi giới, giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua cổ phiếu thanh toán bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng.  
4) Mua trái phiếu bằng tiền mặt, ký hạn 6 tháng, lãi suất 0.8%/thàng, mệnh giá 200.000.000 đồng, lãi được thanh toán ngay khi mua trái phiếu(tín phiếu chiết khấu).  
5) Chuyển nhượng 2.000 cổ phiếu đã đầu tư của công ty An Việt, giá bán 15.000 đồng/ cổ phiếu. thu bằng chuyển khoản qua ngân hàng.

6) Mua 150 tờ trái phiếu ngân hàng Đông Á mệnh giá 1.000.000 đồng/kỳ phiếu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, trái phiếu được phát hành có thời hạn 12 tháng , lãi suất 12%/năm, thu lãi 1 lần khi đáo hạn.

7) Chuyển nhượng 1 phần vốn đầu tư vào công ty Việt Thành trị giá gốc chuyển nhượng là 100.000.000 đồng, giá bán thu về bằng chuyển khản là 120.000.000 đồng, chi phí phát sinh liên quan đến việc chuyển nhượng vốn đầu tư thanh toán bằng tạm ứng là 2.000.000 đồng.  
8) Công ty chuyển khoản gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngâ hàng HSBC số tiền 250.000.000 đồng, công ty đã nhận được giáy báo có của ngân hàng.

9) Công ty mua 25.000 cổ phiếu của công ty An Việt bằng chuyển khoản nhằm mục đích đầu tư dài hạn , giá mua 18.800 đồng/cỏ phiếu, chi phí giao dịch môi giới thanh toán bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng. biết rằng khoản đầu tư vào cong ty An Việt chiếm dưới 5% vốn chử sở hữu của công ty An Việt.

**Bài 7**

Doanh nghiệp A kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong kỳ doanh nghiệp (DN) phát sinh các nghiệp vụ kinh tế sau:

1) Mua 100 kỳ phiếu của ngân hàng ACB, mệnh giá mỗi kỳ phiếu là 1.000.000đ, thời hạn 12 tháng, lãi 9%/năm, nhận trước khi phát hành, ngân hàng phát hành bằng mệnh giá. DN thanh toán bằng tiền mặt và nhận kỳ phiếu.

2) Nhận được giấy báo Có của ngân hàng về cổ tức được hưởng của số cổ phiếu mà DN đã mua trước đó 15.000.000đ.

3) Ngày 1/10/n, DN mua lại một số kỳ phiếu ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 10.000.000đ, lãi 0,8%tháng, sau 6 tháng nhận một lần. Ngày phát hành là 1/7/n và đáo hạn ngày 31/12/n. Giá mua 10.240.000đ, đã chuyển khoản. Ngày 1/6, nhận lãi 6 tháng đầu của kỳ phiếu bằng tiền mặt.

4) DN quyết định chuyển nhượng số cổ phiếu đã mua trước đó. Giá gốc của lô cổ phiếu là 92.500.000đ, giá chuyển nhượng là 90.000.000đ, khách hàng chưa trả tiền. Chi phí môi giới là 1.500.000đ, đã thanh toán bằng tiền mặt.

5) Chuyển 200.000.000đ tiền gởi không kỳ hạn tại ngân hàng Vietcom bank thành tiền gởi có kỳ hạn 6 tháng cũng tại ngân hàng này.

Yêu cầu: định khoản các nghiệp vụ trên.

Bài 8: Tình hình đầu tư ngắn hạn tại một công ty như sau:

Số dư đầu kỳ tài khoản 121A: 15.000.000 (đồng) tương đương với 500 cổ phiếu; 121B: 10.000.000 (đồng) tương đương với 500 cổ phiếu: 229: 6.000.000 (đồng), trong dó cổ phiếu A: 5.000.000 (đồng), cổ phiếu B: 1.000.000 (đồng).

1) Chi tiền gửi ngân hàng 20.000.000 (đồng) để mua một số chứng khoán có mệnh giá 20.000.000 (đồng). hoa hồng môi giới 200.000 (đồng) đã thanh toán bằng tiền mặt.

2) Công ty bán 250 cổ phiếu A giá bán 35.000 (đồng) và 300 cổ phiếu B giá bán 30.000 (đồng) nhận bằng chuyển khoản, chi phí môi giới cho việc bán 2 cổ phiếu trên hết 1.000.000 (đồng) trả bằng tiền mặt.

3) Rút tiền gửi ngân hàng mua kì phiếu 6 tháng, lãi suất 2%/tháng, ngân hàng trừ trước lãi cho công ty, trị giá kí phiếu 10.000.000 (đồng). giả sử khi đến hạn công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng 10.000.000 (đồng).

4) Nhận lãi chứng khoán bằng tiền gửi ngân hàng 1.000.000 (đồng) công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng. Nhận được thông báo chia lã đầu tư ngắn hạn 2.000.000 (đồng).  
5) Công ty bán lại chứng khoán ở nghiệp vụ (1) thu bằng tiền gửi ngân hàng 19.500.000 (đồng), chi phí môi giới trả bằng tiền mặt là 200.000 (đồng).

6) Hết hạn đầu tư ngắn hạn công ty nhận lại bằng một số hàng hóa theo giá trị thực tế 60.000.000 (đồng) và tiền mặt là 40.000.000 (đồng) giá gốc ban đầu là 110.000.000 (đồng).

7) Phải trả lương cho nhân viên theo dõi đầu tư chứng khoán 1.000.000 (đồng).

8) Công ty mua thêm 250 cổ phiếu A giá 37.000 (đồng) chi phí mua là 1.000 đồng)/ cổ phiếu và 200 cổ phiếu B giá 27.000 (đồng) chi phí mua 1000 (đồng)/cổ phiếu chưa thanh toán cho người bán.  
9) Chi tiền mặt mua một số chứng khoán giá 40.000.000 (đồng) hoa hồng môi giới, trả bằng tiền mặt 300.000 (đồng).

10) Chuyển khoản tiền gửi ngân hàng 500.000.000 (đồng) sang sổ tiết kiệm tiền gửi có kì hạn 3 tháng, lãi suất 0,7%/tháng, giả sử đã đến ngày nhận lãi.

Yêu cầu:  
- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.  
- Cuối năm kế toán đánh giá lại cổ phiếu đang năm giữ. Biết giá cổ phiếu A trên thị trường là 35.000 (đồng), giá cổ phiếu B là 21.000 (đồng).  
Bài 9:

Doanh nghiệp D hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.  
SDĐK : TK 121 : 50.000.000đ (50 cổ phiếu công ty ABC) (Đầu tư chứng khoán ngắn hạn)  
Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ sau :  
1) Ngày 1/7 DN mua 500 trái phiếu của công ty XYZ mệnh giá 500.000đ/tp, hoa hồng cho người môi giới 1% giá mua, giá mua 550.000đ/tp. Thời hạn trái phiếu 1 năm từ 1/1 đến 31/12, thanh toán bằng chuyển khoản  
2) Mua tín phiếu kho bạc bằng tiền mặt kỳ hạn 5 tháng, lãi suất 1%/tháng, mệnh giá 50 triệu đồng. Lãi suất được thanh toán ngay khi mua  
3) Bán 20 cổ phiếu của công ty ABC, giá bán là 1,05 triệu đồng/cp thu bằng tiền mặt  
4) Chuyển nhượng 30 cổ phiếu của công ty ABC cho công ty F, giá chuyển nhượng là 1,1trđ/cp chưa nhận được tiền  
5) Cuối năm khi đáo hạn trái phiếu công ty XYZ, DN nhận được lãi trả một lần vào cuối năm. Lãi suất 15%/năm, lãi được tính theo nguyên tắc tròn tháng, thanh toán qua ngân hàng  
Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ trên.

Bài 10:

Doanh nghiệp X tính thuế theo phương pháp khấu trừ, quản lý hàng tồn kho theo phương kê khai thường xuyên. Có phát sinh một số nghiệp vụ như sau”  
1) Mua 100 cổ phiếu của công ty Y, gái mua 500.000đ/cổ phiếu,trả bằng chuyển khoản, chi phí mua 1.000.000đ, trả bằng tiền mặt  
2) Nhận được giấy thong báo về cổ tức được hưởng là 10.000.000đ  
3) Bán 50 cổ phiếu mua ở kì trước , giá bán 530.000đ/cp, thanh toán bằng chuyển khoản . Chi phí mô giới đã thanh toán bằng tiền mặt 1.500.000đ, biết giá ghi sổ là 510.000đ  
4) Chuyển 20 cổ phiếu dài hạn đã mua ở kì trước, giá 400.000đ/cp thành số của phiếu ngắn hạn,trị giá 9.000.000đ  
5) Bán 10 cổ phiếu của công ty Y, giá bán 490.000đ/cp, thanh toán bằng tiền mặt  
a. Yêu cầu : đinh khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.  
6) Cuối kỳ kế toán tính lại dự phòng giảm giá chứng khoán, biết rằng giá thị trường lag 490.000đ/cp

Bài 11: Tại 1 doanh nghiệp có tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

Số dư ngày 30/11/N:

TK 121: 45.000.000đ (TK 1211: 30.000.000đ cổ phiếu của công ty CP A; TK 1212:

15.000.000đ – 10 tờ kỳ phiếu NH Sao Mai, mệnh giá 1.500.000đ/tờ, thời hạn 6 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, thu lãi định kỳ hàng tháng).

TK 229: 1.000.000đ (dự phòng giảm giá cổ phiếu của công ty CP A)

Trong tháng 12/N phát sinh một số nghiệp vụ:

1. Ngày 01/12 chi TGNH 5.000.000đ mua tín phiếu kho bạc TP, phát hành thời hạn 12 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, thu lãi một lần khi đáo hạn.

2. Ngày 02/12 chi tiền mặt 9.000.000đ mua kỳ phiếu mệnh giá 10.000.000đ thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm, lãnh lãi trước 1 lần ngay khi mua kỳ phiếu.

3. Ngày 22/12 bán một số cổ phần công ty CP A có giá gốc 10.000.000đ với giá bán 12.000.000đ đã thu bằng TGNH. Chi tiền mặt thanh toán cho người môi giới 50.000đ.

4. Ngày 30/12 NH Sao Mai chuyển tiền lãi tháng này của 10 tờ kỳ phiếu vào tài khoản tiền gửi ở ngân hàng.

5. Ngày 30/12 chi tiền gửi ngân hàng 5.000.000đ cho công ty B vay tạm, thời hạn 3 tháng, với lãi suất 1%/tháng, thu 1 lần khi đáo hạn.

6. Ngày 31/12 doanh nghiệp xác định mức giảm giá số cổ phần công ty CP A mà doanh nghiệp đang nắm giữ là 800.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài 12: Trong tháng 09, phòng kế toán công ty A có tài liệu về đầu tư dài hạn như sau:

1. Chuyển khoản1.500.000.000đ mua cổ phiếu của công ty CP X, số cổ phiếu này có mệnh giá 300.000.000đ, chi phí mua đã chi tiền mặt 3.000.000đ (tỷ lệ quyền biểu quyết tương đương với tỷ lệ góp vốn 60%).

2. Nhận thông báo chia cổ tức của công ty CP P là 50.000.000đ. Theo thỏa thuận, công ty A đã chuyển toàn bộ số cổ tức này để góp vốn thêm (cho biết tỷ lệ quyền biểu quyết tương đương với tỷ lệ góp vốn thay đổi từ 52% lên 55%).

3. Góp vốn đầu tư vào công ty BB với tỷ lệ góp vốn là 40%, bằng:

4. 1 thiết bị sấy có nguyên giá 100.000.000đ, khấu hao lũy kế đến thời điểm góp vốn là 10.000.000đ, vốn góp được tính 88.000.000đ.

5. Xuất kho 1 lô hàng hóa có giá gốc là 150.000.000đ và được tính vốn góp là

155.000.000đ.

6. Chi phí vận chuyển tài sản góp vốn công ty A chịu, đã thanh toán bằng tiền tạm ứng là 110.000đ (gồm VAT 10%).

7. Chuyển khoản mua 5.000 cổ phiếu thường, có mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu với giá chuyển nhượng 120.000đ/cổ phiếu của công ty CP BT, tỷ lệ quyền biểu quyết là 12%. Chi tiền mặt thanh toán cho người môi giới 1.000.000đ.

8. Nhượng lại một số cổ phiếu của công ty cổ phần M cho người bán B (để trừ nợ tiền hàng) với giá bán 138.000.000đ, biết giá gốc số cổ phiếu này là 140.000.000đ, giá gốc số cổ phiếu còn lại sau khi chuyển nhượng là 360.000.000đ (với tỷ lệ quyền biểu quyết giảm từ 25% xuống 18%).

Yêu cầu: Định khoản và phản ánh tình hình trên vào sơ đồ tài khoản (TK 221, 223, 228).

Bài 13: Tại 1 doanh nghiệp có tình hình đầu tư tài chính như sau:

Số dư đầu tháng 12/N:

TK 229: 0đ

TK 228: 700.000.000đ (10.000 cổ phần công ty CP A: 100.000.000đ; 40.000 cổ

phần công ty CP Z: 600.000.000đ)

TK 121: 50.000.000đ (50 tờ kỳ phiếu ngân hàng B, mệnh giá mỗi tờ

1.000.000đ, thời hạn 6 tháng, thu lãi định kỳ hàng tháng, lãi suất 0,9%/tháng)

Trong tháng 12/N có một số nghiệp vụ phát sinh:

1. Ngày 01/12 doanh nghiệp chuyển khoản mua kỳ phiếu 24 tháng do Ngân hàng nông nghiệp phát hành với giá phát hành bằng mệnh giá 20.000.000đ, lãi suất 9%/12 tháng, thu lãi 1 lần ngay khi mua.

2. Ngày 15/12 doanh nghiệp mua lại một số công trái trong dân, chi trả ngay bằng tiền mặt 27.500.000đ. Số công trái này có mệnh giá 20.000.000đ, thời hạn thanh toán 5 năm, lãi suất 50%/5 năm, ngày đáo hạn 01/12/N+1.

3. Ngày 16/12 nhận được thông báo của công ty A về số lãi được chia 9 tháng đầu năm N tương ứng với 10.000 cổ phần công ty đang nắm giữ là 12.000.000đ, 2 ngày sau doanh nghiệp đã thực nhận được số lãi trên bằng tiền mặt.

4. Ngày 20/12 bán 5.000 cổ phần công ty A cho doanh nghiệp X đã thu TGNH với giá 52.000.000đ. Chi phí trả cho người môi giới đã chi bằng tiền mặt 1.500.000đ.

5. Ngày 25/12, công ty A dùng 1 TSCĐ hữu hình góp vốn liên doanh vào công ty X (công ty A góp vốn vào công X – cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát – với tỷ lệ vốn góp là 30%) với nguyên giá ghi trên sổ kế toán 500.000.000đ, đã hao mòn 100.000.000đ. TSCĐ này được các bên góp vốn liên doanh đánh giá là 420.000.000đ, mức độ hao mòn 20%, thời gian sử dụng ước tính 5 năm. Chi phí cho quá trình bàn bạc hợp đồng bằng tiền mặt 1.000.000đ. Chi phí vận chuyển tài sản thanh toán bằng tạm ứng 105.000đ (gồm thuế GTGT 5.000đ).

6. Ngày 27/12 nhận được sổ phụ ngân hàng B báo đã chuyển lãi định kỳ 12/N của 50 tờ kỳ phiếu doanh nghiệp đang nắm giữ vào tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại ngân hàng.

7. Thị giá cổ phần của công ty Z đang giảm sút. Ngày 31/12, căn cứ vào các bằng chứng xác thực, hội đồng do doanh nghiệp lập thẩm định mức giảm giá chứng khoán đã xác định thị giá cổ phần công ty Z là 14.000đ/cổ phần. Doanh nghiệp tiến hành lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Yêu cầu: Định khoản và phản ánh tình hình trên vào sơ đồ tài khoản kế toán.

Bài 14: Trong tháng 12 tại Công Ty M có tình hình về đầu tư tài chính như sau:

1. Ngày 5 chi tiền mặt mua kỳ phiếu NH số tiền theo mệnh giá là 10.000.000đ - kỳ hạn 6 tháng dự kiến nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi suất 1 %/tháng và được lãnh một lần ngay sau khi mua kỳ phiếu

2. Ngày 10 chi tiền mặt mua 20 cổ phiếu của công ty X để đầu tư dài hạn, mệnh giá 1.000.000 đ/cổ phiếu với giá chuyển nhượng 1,200.000đ/cổ phiếu; và giá mua phần cổ tức của năm cổ phiếu chưa nhận cổ tức, trị giá 110.000đ/cổ phiếu.

3. Chi tiền tạm ứng thanh toán cho người môi giới khi mua cổ phiếu công ty X là 1.000.000 đ

4. Công Ty M đã nhận được bằng tiền mặt phần cổ tức của năm cổ phiếu chưa nhận cổ tức, trị giá 120.000đ/cổ phiếu.

KẾ TOÁN KHOẢN PHẢI THU NỘI BỘ

Bài tập 1:

Tải công ty Cổ phần Đô Thành có 2 đơn vị trực thuộc là xí nghiệp gạch và xí nghiệp sơn, tổ chức bộ máy kế toán phân tán, các đơn vị trực thuộc có tổ chức riêng, sản xuất kinh doanh hàng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lien quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ được kế toán ghi nhận trong các tài liệu như sau:

–         Tài liệu 1: SDĐK của một số tài khoản

TK 136: 5.000 triệu đồng (Phải thu nội bộ)

TK 136 Gạch: 2.000 triệu đồng (Phải thu nội bộ)

TK 136 Sơn:   3.000 triệu đồng (Phải thu nội bộ)

TK 138: 20.000.000đ

–         Tài liệu 2: Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ

Ngày 5/12: Công ty cấp vốn cho XN gạch bằng 1 TSCĐ hữu hình không cần dung tại công ty có nguyên giá 54 triệu đồng, giá trị hao mòn là 15 triệu đồng, thời hạn sử dụng hữu ích ước tính 5 năm. XN gạch bỏ them chi phí lắp đặt 600.000đ, gồm xuất vật liệu 400.000đ và công cụ loại phân bổ 1 lần là 200.000đ để đưa vào sử dụng tại phân xưởng sản xuất trong cùng ngày

Ngày 10/12, theo lệnh của công ty, XN gạch điều chuyển 1 TSCĐ hữu hình đang dùng tại bộ phận sản xuất sang XN sơn, tài sản này có nguyên giá 40,32 triệu đồng, giá trị hao mòn là 24 triệu đồng, thời hạn sử dụng hữu ích ước tính là 4 năm, XN gạch chi hộ XN sơn chi phí vận chuyển bằng tiền mặt là 440.000đ gồm 10% thuế GTGT. XN sơn nhận TSCĐ và đưa vào sử dụng tại bộ phận bán hàng

Ngày 27/12, XN gạch trích khấu hao TSCĐHH trong kỳ. Biết rằng áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, số khấu hao bình quân tháng của những TSCĐHH có vào đầu tháng và đang dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh là 7,5 triệu đồng, trong đó khấu hao TSCĐ sử dụng tại phân xưởng là 4 triệu đồng, tại bộ phận bán hàng 2 triệu đồng, tại bộ phận quản lí XN gạch là 1,5 triệu đồng

Ngày 28/12, theo lệnh công ty CP Đồng Tâm, điều chuyển 50% vốn khấu hao tháng 12 tại đơn vị XN gạch về công ty CP Đồng Tâm (không hoàn lại) cùng ngày, XN đã nộp bằng tiền mặt

Ngày 29/12, công ty CP Đồng Tâm nhận được thông báo tạm chia lãi trong hợp đồng liên doanh cho năm nay là 30 triệu đồng

Ngày 31.12, kiểm kê TSCĐ cuối năm, cty Đồng Tâm phát hiện bị mất 1 thiết bị sản xuất A có nguyên giá 40 triệu đồng, đã khấu hao 8 triệu đồng chưa rõ nguyên nhân. Sau đó công ty xem xét và đưa ra kết luận: đơn vị sử dụng máy phải đền bù 50% trị giá máy, trừ vào tiền thưởng của cả đơn vị trong 1 năm, phần còn lại đưa vào chi phí quản lí doanh nghiệp

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty CP Đồng Tâm, tại các XN trực thuộc gạch, XN trực thuộc sơn

Bài tập 2:

Trong kỳ doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1)    Giao cho đơn vị cấp dưới 200.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh bằng chuyển khoản và một TSCĐ trị giá 100.000.000 đồng.

2)    Lấy từ quỹ đầu tư phát triển 10.000.000 đồng, quỹ dự phòng tài chính 5.000.000 đồng để cấp cho đơn vị cấp dưới phát triển các quỹ trên.

3)    Đơn vị cấp dưới mua một số công cụ dụng cụ trị giá 50.000.000 đồng doanh nghiệp đã chi trả hộ cho đơn vị cấp dưới bằng tiền gửi ngân hàng.

4)    Bán 200 kg nguyên vật liệu giá vốn là 50.000 đồng/kg, giá bán là 60.000 đồng/kg, chưa thuế GTGT 10% cho đơn vị cấp dưới chưa thu tiền.

5)    Doanh nghiệp trả thay chi phí mua hàng cho đơn vị cấp dưới 1.000.000 đồng bằng tiền mặt thuế giá trị gia tăng 10%.

6)    Đơn vị cấp dưới bán hàng giá bán chưa thuế GTGT 10% là 100.000.000 đồng chưa thu tiền. ngày hôm sau doanh nghiệp báo cho đơn vị cấp dưới đã thu tiền bằng tiền mặt đồng thời trừ vào khoản phải thu nội bộ trước đó.

7)    Theo lệnh của giám đốc, doanh nghiệp chuyển cho đơn vị cấp dưới một lô hàng giá chưa thuế là 30.000.000 đồng, thuế GTGT là 10%. Đơn vị cấp dưới đã nhận đủ hàng và nhập kho.

8)    Cấp thêm cho đơn vị cấp dưới một TSCĐ có nguyên giá là 20.000.000 đồng trong đó TSCĐ đã khấu hao 5.000.000 đồng.

9)    Doanh nghiệp nhận được 200.000.000 đồng tiền hoàn lại vốn kinh doanh do đơn vị cấp dưới chuyển khoản.

Yêu cầu định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tính lại số phải thu nội bộ của doanh nghiệp.

Bài tập 3:

Tại doanh nghiệp X tính thuế theo phương pháp khấu trừ, có các nghiệp vụ phát sinh trong tháng như sau:

Xuất bán 1000sp cho doanh nghiệp A (đơn vị cấp dưới trực thuộc doanh nghiệp X) với giá 50.000.000đ (chưa bao gồm VAT 10%)

Cấp một TSCĐ trị giá 20.000.000đ đã khấu hao 1.000.000đ. Cho doanh nghiệp Y (đơn vị cấp dưới trực thuộc doanh nghiệp X)

Nhận được 10.000.000đ của doanh nghiệp A trong đó có 5.000.000đ nộp về quỹ đầu tư phát triển, còn lại là quỹ dự phòng tài chính

Doanh nghiệp nhận được một khoản tiền vè TSCĐ do doanh nghiệp Y nộp lên.

Chi trả hộ cho doanh nghiệp Z (đơn vị cấp dưới trực thuộc doanh nghiệp X) bằng tiền mặt 5.000.000đ

Doanh nghiệp A nộp 20.000.000đ bằng tiền mặt về số lãi cho hoạt đông sản xuất, kinh doanh trong kỳ

Yêu cầu: Đinh khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Bài tập 4:

Cho tình hình nợ phải thu, tiền ứng trước trong tháng tại doanh nghiệp X hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế VAT theo phương pháp khấu trừ như sau  
a) Số dư đầu tháng của 1 số tài khoản như sau:  
TK 131:      20.000.000

trong đó: công ty M (dư nợ) 30.000.000, công ty N (dư có )10.000.000  
TK 136:      250.000.000, (Phải thu nội bộ)  
TK:1361:    200.000.000

trong đó:  Đơn vị A 110.000.000, Đơn vị B 90.000.000  
TK1368:     50.000.000

trong đó đơn vị A 30.000.000, đơn vị B 20.000.000 (A, B là 2 đơn vị cấp dưới của doanh nghiệp X)

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

**CHƯƠNG 2 KẾ TOÁN KHOẢN PHẢI THU**

Bài 1:  Một doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong kỳ có tình hình như sau:

Số dư đầu tháng 12:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| · | TK 131 (dư nợ):             180.000.000đ | (Chi tiết: Khách hàng H: 100.000.000đ, |
| · | khách hàng K: 80.000.000đ)  TK 229 (Khách hàng H): 30.000.000đ |  |

Các nghiệp vụ phát sinh trong tháng:

 1.  Bán hàng chưa thu tiền khách hàng K, giá bán chưa thuế 60.000.000đ, thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tính 10%.

2.  Nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản nợ của khách hàng ở nghiệp vụ 1 trả.

3.  Kiểm kê hàng hóa tại kho phát hiện thiếu 1 số hàng trị giá 2.000.000đ chưa rõ

nguyên nhân.

4.  Xử lý số hàng thiếu như sau: bắt thủ kho phải bồi thường 1.000.000đ, số còn lại tính vào giá vốn hàng bán.

5.  Nhận được biên bản chia lãi từ họat động liên doanh 10.000.000đ, nhưng chưa nhận tiền.

6.  Thu được tiền mặt do thủ kho bồi thường 1.000.000đ.

7.  Chi TGNH để ứng trước cho người cung cấp 20.000.000đ.

8.  Lập biên bản thanh toán bù trừ công nợ với người cung cấp 20.000.000đ.

9.  Phải thu khoản tiền bồi thường do bên bán vi phạm hợp đồng 4.000.000đ.

10. Đã thu bằng tiền mặt 4.000.000đ về khoản tiền bồi thường vi phạm hợp đồng.

11. Chi tiền mặt 10.000.000đ tạm ứng cho nhân viên.

12. Nhân viên thanh toán tạm ứng:

-     Hàng hóa nhập kho theo giá trên hóa đơn 8.800.000đ, gồm thuế GTGT

800.000đ.

-     Chi phí vận chuyển hàng hóa 300.000đ, thuế GTGT 30.000đ.

-     Số tiền mặt còn thừa nhập lại quỹ.

13. Cuối tháng có tình hình sau:

-     Khách hàng H bị phá sản, theo quyết định của tòa án khách hàng H đã trả nợ cho doanh nghiệp 50.000.000đ bằng tiền mặt, số còn lại doanh nghiệp xừ lí xóa sổ.

-     Đòi được khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ từ năm ngoái 10.000.000đ bằng tiền mặt, chi phí đòi nợ 200.000đ bằng tiền tạm ứng.

-     Cuối năm căn cứ vào nguyên tắc lập dự phòng, doanh nghiệp tiếp tục lập dự

phòng nợ phải thu khó đòi của khách hàng K 20.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên.

Bài 2: Tại 1 doanh nghiệp có số dư đầu kỳ ở 1 số TK như sau:

    TK 1112:    69.900.000đ           (3.000 USD) tỷ giá 23.300

·  TK 1122: 186.400.000đ           (8.000 USD)

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1.  Bán hàng thu ngoại tệ 10.000 USD bằng TGNH. TGBQLNH: 23.300đ/USD.

2.  Dùng TGNH để ký quỹ mở L/C 12.000 USD, NH đã gởi giấy báo Có. TGBQLNH: 23.200đ/USD.

3.  Nhập khẩu hàng hóa, giá trên Invoice 12.000 USD chưa trả tiền cho người bán.

TGBQLNH: 23.100đ/USD. Sau đó NH đã dùng tiền ký quỹ để thanh toán với bên

bán. TGBQLNH: 23.150đ/USD.

4.  Xuất khẩu hàng hóa, giá bán trên hóa đơn 16.000 USD, tiền chưa thu. TGBQLNH: 23.200đ/USD.

5.  Nhập khẩu vật liệu giá 6.000 USD, chưa trả tiền. TGBQLNH: 23.180đ/USD.

6.  Chi tiền mặt 600 USD tiếp khách ở nhà hàng. TGTT: 23.200đ/USD.

7.  Nhận giấy báo Có của NH thu tiền ở nghiệp vụ 4 đủ. TGBQLNH: 23.220đ/USD.

8.  Bán 7.000 USD chuyển khoản thu tiền mặt VNĐ. TGTT: 23.220đ/USD.

9.  Chi TGNH trả tiền ở nghiệp vụ 5 đủ. TGBQLNH: 23.210đ/USD.

10. Nhập khẩu hàng hóa trị giá 10.000 EUR, tiền chưa trả. TGBQLNH: 26.100/EUR.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên. Cho biết ngoại tệ xuất theo phương pháp FIFO. Cuối năm, đánh giá lại những khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá BQLNH 23.250đ/USD, 26.240đ/EUR.

**Bài tập 3:**

Công ty sản xuất và kinh doanh dịch vụ cho thuê máy MINH DŨNG chịu thuế GTGT, tính theo phương pháp khấu trừ thuế, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau:

Tài liệu 1: số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

– Tài khoản 131: 13.200.000 đồng *(Phải thu khách hàng)*

Trong đó sổ chi tiêt:

* Công ty Long Thành – số dư nợ:                11.000.000 đồng
* Cửa hàng PHú Thành –  số dư nợ:              2.200.000 đồng

– Tài khoản       155:                                        36.00.000 đồng, trong đó:

* Tài khoản 155 A                                        2.000sp A\*8.000đ/sp
* Tài khoản 155 B                                         2.000spB\*10.000đ/sp

– Tài khoản157 Ninh Hòa                               1.000spB, trị giá 10.000.000 đồng

Tài liệu 2: các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ:

1)    Công ty xuất kho thành phẩm bán chịu cho Công Ty Sông Đà 500 sp A theo hóa Đơn GTGT giá bán chưa thuế 10.000 đ/sp, thuế GTGT 10%

2)    Nhận được thông báo của cửa hàng Ninh Hòa chấp nhận thanh toán 1.000 sp B. Công ty Minh Dũng đã phát hành hóa đơn GTGT với giá bán chưa thuế GTGT 12.000 đ/sp, thuế GTGT 10%.

3)    Cửa hàng Phú Thành đề nghị giảm giá 20% trên số tiên còn nợ (gồm thuế GTGT 10%) do chất lượng sản phẩm kém. Công ty Minh Dũng đã chấp nhận và phát hành hóa đơn điều chỉnh giảm giá.

4)    Nhận được giấy báo có của ngân hàng về số tiền công ty Sông Đà thanh toán 500 sp A ở nghiệp vụ 1, sau khi trừ chiết khấu thanh toán 1% giá bán chưa thuế.

5)    Theo hợp đồng cho thuê máy chuyên dùng, công ty đã thu bằng tiền gửi ngân hàng số tiền cho thuê 6 tháng của doan nghiệp chế biến Hùng Tân gồm giá chưa thuế 9.000.000 đồng, thuế GTGT 10%. Sau đó, công ty Minh Dũng đã phát hành hóa đơn thuế GTGT đối với dịch vụ cho thuê kỳ này cho doanh nghiệp chế biến Hùng Tân.

6)    Công ty Long Thành đề nghị công ty Minh Dũng nhận vật liệu để trừ nợ gồm 1.000 kg vật liệu X theo hóa đơn GTGT 10.000.000 đồng, thuế GTGT là 10%, đã nhập kho đủ. Do vi phạm hợp đồng công ty Long Thành bị phạt 200.000 đồng. Công ty Long Thành đã thanh toán đủ số còn nợ cho công ty Minh Dũng bằng tiền mặt.

***Yêu cầu:*** định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

**Bài tập 2:**

1)    Công ty Honda bán một chiếc xe SH, giá chưa thuế 135.000.000đ, thuế GTGT 10%. Khác hàng chưa trả tiền.

2)    Xuất kho hàng hóa bán, giá xuất kho 8.000.000đ, giá chưa thuế 9.000.000đ. Khách hàng chưa thanh toán. Thuế GTGT 10%.

3)    Nhập kho nguyên vật liệu, giá 200kg, giá chưa VAT 25.000đ/kg, thuế 10%. (DN đã thanh toán trước đó 6.000.000đ).

4)    Cty Honda nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng ở nghiệp vụ trên trả nợ.

5)    Khách hàng ở nghiệp vụ 2 do không có khả năng thanh toán bằng tiền nên đã xuất hàng hóa B trả cho DN, giá chưa thuế 10.000.000đ, thuế khấu trừ hàng hóa của Cty là 10%. Cty đã nhập kho hàng hóa B và chi tiền mặt để thanh toán.

6)    Xuất khẩu lô hàng, giá bán 2.000USD, chưa thu tiền, thuế XK 2% trị giá cloo hàng. Tỷ giá giao dịch thực tế 16.000VND/USD.

7)    Doanh nghiệp Mai Phương ứng trước 5% tổng trị hợp đồng cho việc mua lô hàng sắp tới của doanh nghiệp TAA. Biết hợp đồng trị giá 100.000.000đ.

**Bài tập 3:**

Tại doanh nghiệp A trong kì phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau:

1)    Bán 2.000 sản phẩm trong đó giá vốn là 20.000 đồng/sản phẩm, giá bán là 30.000 đồng/sản phẩm, chưa bao gồm thuế GTGT 10% chưa thu tiền. chi phí bán hàng là 2.000.000 đồng đã trả bằng tiền mặt.

2)    Doanh nghiệp mua 1.000 sản phẩm với giá mua là 50.000 đồng/sản phẩm chưa bao gồm thuế GTGT 10% đã trả bằng chuyển khoản.

3)    Doanh nghiệp xuất bán 900 sản phẩm cho doanh nghiệp C chưa thu tiền. Giá vốn là 50.000 đồng/sản phẩm giá bán là 70.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%.

4)    Do lô hàng ở nghiệp vụ (1) bị kém chất lượng 200 sản phẩm nên bị khách hàng trả lại đã nhập vào kho.

5)    Đến hạn thanh toán tiền mà doanh nghiệp C khộng thanh toán tiền mà thỏa thuận với doanh nghiệp là sẽ trao đổi với doanh nghiệp một TSCĐ trị giá 32.000.000 đồng, chi phí vận chuyển TSCĐ lắp ráp chạy thử hết 3.000.000 đồng.

6)    Doanh nghiệp nhận được tiền thanh toán của doanh nghiệp ở nghiệp vụ (1) bằng chuyển khoản và 3.000.000 đồng tiền mặt phạt do doanh nghiệp C thanh toán chậm so với thời hạn đã kí kết trong hợp đồng.

7)    Kế toán nhận thấy số tiền nợ của doanh nghiệp C có khả năng khó đòi nên kế toán quyết định lập 10.000.000 đồng dự phòng cho khoản trên.

8)    Doanh nghiệp nhận nhập khẩu ủy thác một lô hàng trị giá 500.000.000 đồng đã trả bằng chuyển khoản, chưa thu tiền, lô hàng chịu thuế nhập khẩu 20%

9)    Khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp ở nghiệp vụ (8) bằng chuyển khoản.

10)           Doanh nghiệp C bị phá sản nên không có khả năng thanh toán nợ. ban giám đốc họp và quyết xóa nợ cho doanh nghiệp C.

***Yêu cầu***: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh biết doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ và xuất hàng theo phương pháp FIFO.

Tính lại các khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Do doanh nghiệp quyết định xóa nợ cho doanh nghiệp C nên kế toán tính ai khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi 229.

Bài tập 4:

Tại DN X, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trong tháng có các nghiệp vụ phát sinh:

1. Ngày 1: Xuất kho 1.000sp cho công ty A giá vốn 20.000đ/sp, giá bán 30.000đ/sp (chưa bao gồm 10% thuế GTGT) chưa thu tiền
2. Ngày 3: Do lô hàng kém chất lượng, DN quyết định giảm giá cho công ty A 10% giá bán chưa có thuế GTGT
3. Ngày 5: Công ty B ứng trước cho DN 100 triệu đồng tiền mặt cho việc mua lô hàng sắp tới
4. Ngày 10: Xuất khẩu lô hàng trị giá 50 triệu đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%, chưa thanh toán
5. Ngày 20: Nhận được giấy báo Có của ngân hàng ACB về số tiền của công ty A trả nợ.

***Yêu cầu***: Định khoản các nghiệp vụ trên.

Bài tập 5:

Doanh nghiệp A hạch toán thuế GTGT theo phương thúc khấu trừ,hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên  có số dư đầu kỳ tháng 1/2018 tài khoản  131 như sau:

TK 131A: 50.000.000đ *(Phải thu khách hàng)*

TK 131B: 20.000.000đ           Trong đó Nợ 229B: 6.000.000đ

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Bán cho khách hàng A một số sản phẩm trị giá 10.000.000đ (giá chưa VAT 10%), chưa thu tiền.
2. Khách hàng A trả lại cho doanh nghiệp một số sản phẩm kém chất lượng trị giá chưa thuế 500.000đ, doanh nghiệp đã nhận lại hàng
3. Khách hàng C mua của doanh nghiệp một số sản phẩm trị giá 3.600.000đ (giá chưa thuế VAT 10%) và bán lại cho doanh nghiệp một số sản phẩm trị giá 2.000.000đ (giá chưa thuế VAT 10%). Sau đó khách hàng C trả thêm bằng tiền mặt.
4. Doanh nghiệp đã thu được cả nợ cũ lẫn nợ mới của khách hàng A bằng tiền mặt trong đó có 5% lãi nợ cũ
5. Doanh nghiệp chi tiền gửi ngân hàng ứng trước 5% tổng giá trị hợp đồng cho việc mua lô hàng sắp tới của doanh nghiệp X, biết tổng giá trị hợp đồng 100.000.000đ
6. Doanh nghiệp B tuyên bố phá sản, do vậy số nợ cũ cón lại phải thu được tổ thanh toán tài sản thanh toán bằng TGNH 10.000.000đ, phần còn lại doanh nghiệp xử lý xoá sổ

***Yêu cầu***: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Bài tập 6:

Hai công ty xuất nhập khẩu A và B tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có tình hình kinh doanh xuất nhập khẩu với thuế xuất thuế GTGT hàng xuất khẩu 0% (hệ thống kê khai thường xuyên). Tình hình trong tháng:

(1) Công ty A xuất khẩu trực tiếp lô hàng giá xuất kho 10.000.000đ, giá bán 1.200USD/FOB.HCM, hàng đã giao lên tàu, tiền chưa thu. TGGD: 23.000VND/USD. Thuế xuất khẩu tính 2%

2) Công ty A gửi hàng hóa nhờ công ty B xuất ủy thác giá xuất kho 50.000.000đ giá bán 6.000USD/FOB.HCM, hàng còn chờ tại cảng, công ty B đã nhận hàng. TGDG: 23.300VND/USD

(3) Công ty A nhận được giấy báo Có của ngân hàng về việc thu tiền của khách hàng ở nghiệp vụ 1, nội dung:

–         Thu tiền khách hàng: 1.200USD

–         Trừ phí ngân hàng: 10USD và thuế GTGT 1USD

–         Ghi tăng tiền gửi ngân hàng công ty A: 1.189USD, TGGD: 23.000VND/USD

(4) Công ty B chi tiền 1.000.000đ để làm thủ tục xuất khẩu ủy thác (nghiệp vụ 2), rút tiền gửi ngân hàng 500.000đ để nộp thuế xuất khẩu thay cho công ty A. Hàng đã giao lên tàu, tiền chưa thu. TGDG: 16.100VND/USD

(5) Công ty B nhận được giấy báo ngân hàng về ủy thác cho A, nội dung:

–         Thu tiền khách hàng: 6.000USD

–         Trừ phí ngân hàng (công ty A chịu): 50USD và thuế GTGT 5USD tính thuế cho công ty B khấu trừ

6) Công ty B và công ty A đối chiếu công nợ và thanh lý hợp đồng:

–         Công ty B chuyển ngoại tệ 5.945USD tiền gửi ngân hàng cho công ty A, sau khi trừ phí ngân hàng (công ty B xuất lại hóa đơn chi phí cho công ty A) TGGD: 23.020VND/USD

–         Công ty A thanh toán lại tiền thuế và chi phí xuất khẩu cho công ty B là 1.500.000đ và tiền hoa hồng ủy thác xuất 20USD quy ra đồng VN. TGGD 23.020VND/USD, thuế suất GTGT hoa hồng 10%.

Yêu cầu: Hãy hạch toán cả 2 công ty A và B. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên tỷ giá xuất theo phương pháp LIFO

**CHƯƠNG 3 KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ**

Bài 1:

Công ty A nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong tháng 3, phòng kế toán có tài liệu liên quan đến tình hình thanh toán với người bán và người nhận thầu như sau:

I. Số dư đầu tháng 3: TK 331: 31.000.000đ,

trong đó: công ty xây dựng số 1 – số dư Nợ: 50.000.000đ,

Cửa hàng Đồng Tâm – số dư Có: 80.000.000đ,

Ông A – số dư Có: 1.000.000đ.

II. Số phát sinh trong tháng:

1. Ngày 02/03 nhập kho 5.000kg vật liệu X chưa thanh toán tiền cho công ty Đông Hải, đơn giá chưa thuế GTGT ghi trên hóa đơn (GTGT) 10.000đ/kg, thuế GTGT 10%.

2. Ngày 05/03 mua một máy vi tính theo hóa đơn (GTGT) 16.500.000đ (gồm thuế GTGT 10%) chưa trả tiền của cửa hàng vi tính 106, dùng cho câu lạc bộ do quỹ phúc lợi đài thọ.

3. Ngày 08/03 nghiệm thu công trình nhà kho do công ty xây dựng số 1 nhận thầu (phần xây lắp) theo hóa đơn (GTGT) 165.000.000đ (gồm thuế GTGT 15.000.000đ).

4. Ngày 10/03 chuyển TGNH thanh toán số tiền còn nợ công ty xây dựng số 1.

5. Ngày 12/03 chi tiền mặt thanh toán cho cửa hàng vi tính 106 sau khi trừ chiết khấu thanh toán được hưởng là 1% giá chưa thuế.

6. Ngày 20/03 nhập kho hàng hóa E mua chịu của công ty X theo hóa đơn (GTGT) 10.500.000đ (gồm thuế GTGT 5%).

7. Ngày 24/03 ứng trước bằng tiền mặt theo hợp đồng giao thầu sửa chữa lớn xe vận tải cho Garage Ngọc Hùng 2.000.000đ.

8. Ngày 26/03 chi phí gia công khuôn mẫu phải trả cho cơ sở cơ khí Phú Thọ theo hóa đơn bán hàng thông thường 10.000.000đ. Công ty nhận toàn bộ khuôn mẫu đã thuê ngoài gia công với giá thực tế 15.000.000đ, giao thẳng cho phân xưởng sử dụng, ước tính phân bổ 18 tháng từ tháng sau.

9. Ngày 28/03 công ty xử lý số tiền nợ không ai đòi, khoản tiền phải trả cho ông A là 1.000.000đ được tính vào thu nhập khác.

10. Cuối tháng nhận được hóa đơn (GTGT) của XN Thiên Long số tiền 5.500.000đ (gồm thuế GTGT 500.000đ). Công ty đã chấp nhận thanh toán nhưng vật tư vẫn chưa về nhập kho.

Yêu cầu:

Trình bày bút toán ghi sổ các nghiệp vụ trên.

Mở sổ chi tiết theo dõi thanh toán với từng nhà cung cấp.

Bài 2: Tại công ty A, có tình hình thanh toán cho công nhân viên (CNV) và các khoản theo lương thuộc tháng 12 như sau:

Số dư ngày 30/11 của TK 334: 215.000.000đ.

Trong tháng 12, số liệu của phòng kế toán như sau:

1. Ngày 05/12 chuyển khoản trả lương kỳ II tháng 11 cho CNV (hệ thống thẻ ATM) 215.000.000đ.

2. Ngày 20/12 chuyển khoản trả lương kỳ I tháng 12 cho CNV là 198.000.000đ, trong đó chi BHXH cho người lao động tại DN ốm đau tháng này là 1.500.000đ.

3. Ngày 25/12 tổng hợp tiền lương phải trả cho công nhân viên (bao gồm tiền ăn giữa ca) trong tháng 12 là 397.000.000đ gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tiền lương của công nhân viên

Phân xưởng SXC 1: 198

Phân xưởng SXC 2: 98

Phân xưởng SXP: 25

Bộ phận bán hàng: 48

Bộ phận QLDN: 28

4. Trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ theo lương (giả sử theo lương thực tế) tính vào chi phí cho mỗi đối tượng có tính lương.

5. Tổng hợp bảng thanh toán tiền thưởng 6 tháng cuối năm do quỹ khen thưởng đài thọ, số tiền 50.000.000đ.

6. Ngày 30/12 đã yêu cầu ngân hàng chuyển tiền (đã nhận giấy báo nợ) nộp KPCĐ 2% quỹ tiền lương, nộp BHXH, nộp BHYT.

7. Cuối tháng, phản ánh khoản khấu trừ lương người lao động:

Tiền tạm ứng: 500.000đ

Bồi thường vật chất: 720.000đ

BHXH 8.5% quỹ tiền lương và BHYT 1%, BHTN 1%quỹ TL

8. Giả sử cuối tháng, công ty đã chuyển khoản toàn bộ số tiền các khoán khoản còn lại phải trả (kỳ II) cho CNV.

Yêu cầu: Trình bày bút toán ghi sổ và mở (chữ T) TK 334 – Phải trả cho người lao động.

Bài 3: Công ty M sản xuất một số mặt hàng thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trong tháng 1, phòng kế toán có tài liệu liên quan đến các khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách như sau:

I. Số dư đầu tháng 3: TK 333: 2.000.000đ trong đó chi tiết TK 33311: 2.000.000đ.

II. Phát sinh trong tháng:

1. Công ty đã chi tiền mặt nộp thuế môn bài năm nay theo thông báo: 3.000.000đ.

2. Nhận được thông báo nộp thuế tài nguyên trong kỳ: 2.000.000đ.

3. Đến kỳ thanh toán lương, công ty tiến hành khấu trừ lương của công nhân viên phần thuế TNCN để nộp cho nhà nước: 5.000.000đ.

4. Mua một xe con sử dụng phải đóng lệ phí trước bạ: 6.000.000đ.

5. Nhận thông báo tạm nộp thuế TNDN quý I năm nay: 10.000.000đ.

6. Tổng hợp tình hình tiêu thụ sản phẩm trong tháng: giá bán sản phẩm chưa thuế

100.000.000đ, thuế GTGT 10%, trong đó chưa thu tiền khách hàng 50% giá thanh toán, thu bằng TGNH 30% và bằng tiền mặt 20%.

7. Nhận lại một số sản phẩm đã tiêu thụ tháng 2, nhập kho theo giá vốn 800.000đ, giá bán hàng trả lại 1.100.000đ (gồm thuế GTGT 100.000đ) trừ vào số tiền khách hàng còn nợ.

8. (Giả sử) cuối tháng lập tờ khai thuế GTGT, số tiền thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tháng này là 12.000.000đ.

9. Chuyển TGNH nộp thuế GTGT 2.000.000đ, thuế TTĐB 22.500.000đ, thuế TNDN tạm nộp, nộp hộ thuế TNCN cho CNV, đã nhận được giấy báo Nợ của NH.

Yêu cầu: Trình bày bút toán ghi sổ.

Bài 4: Công ty M (đang hoạt động) thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

I. Số dư đầu quý 4/N:

TK 331: 50.000.000đ

TK 341: 800.000.000đ (vay của ngân hàng X tài trợ công trình đang trong thời gian thi công, trả lãi hằng tháng 1%/tháng)

II. Số phát sinh trong quý 4/N:

1. Ngày 15/10/N công ty đã chuyển TGNH 50.000.000đ trả số nợ đến hạn.

2. Ngày 31/10/N chuyển khoản trả lãi tiền vay của ngân hàng X tháng 10/N.

3. Ngày 20/11/N vay VPBank chuyển trả cho người bán 20.000.000đ và chuyển

vào TK cá nhân của CNV để trả lương 50.000.000đ.

4. Ngày 30/11/N chuyển khoản trả lãi tiền vay của ngân hàng X tháng 11/N.

5. Ngày 01/12/N ký hợp đồng vay với công ty H số tiền là 200.000.000đ, thời hạn 2 năm, trả nợ gốc và lãi định kỳ 4 lần vào ngày 01/06/N+1, 01/12/N+1, 01/06/N+2, 01/12/N+2.

Số tiền trả mỗi lần là 56.000.000đ (phân bổ lãi theo phương pháp đường thẳng). Công ty đã làm thủ tục trả nợ cho nhà cung cấp hệ thống thiết bị đã đưa vào sử dụng (tháng trước) ở cửa hàng bán sản phẩm.

6. Ngày 31/12/N chuyển khoản trả lãi quý 4 và nợ gốc cho công ty K, trả lãi tháng 12 cho ngân hàng X.

7. Cuối tháng 12/N, tính lãi phải trả công ty H trong năm N để kết chuyển.

Yêu cầu:

Ghi nhận các bút toán liên quan tình hình trên.

Phản ảnh vào TK 331, và TK 341.

Bài Tập 5:

Nhập vật liệu do công ty Z cung cấp, giá mua chưa có thuế là 20 triệu đồng, thuế GTGT 2 triệu và chưa thanh toán trên. Sau đó đã chi tiền mặt thanh toán đầy đủ.

Nếu DN yêu cầu trả lại 50% số hàng mua và được người bán đồng ý: DN đã nhận được tiền mua của hàng trả lại bằng TGNH.

– Nếu người bán chưa thanh toán lại:

– Nếu DN yêu cầu giảm giá 10% tiền số hàng đã mua, người bán đồng ý và nhận lại bằng tiền mặt:

2: Doanh nghiệp có số nợ người bán là 5 triệu đồng, số tiền nợ trên không ai đòi và sau khi tìm hiểu đơn vị trên giải thể, DN tính vào thu nhập khác

3: Khi doanh nghiệp ứng trước tiền mua hàng cho người bán là 10 triệu bằng tiền mặt:

Sau đó mua hàng hóa có giá mua chưa có thuế là 15.000.000, thuế GTGT: 1.500.000. DN đã chi tiền mặt thanh toán tiếp khoản tiền mua hàng còn thiếu

4: DN có trao đổi hàng cho người bán: SP xuất bán cho người bán có giá bán chưa có thuế 20.000.000, thuế GTGT 2.000.000 và nhận lại bằng vật liệu có giá bán chưa có thuế là 16.000.000, thuế GTGT: 1.600.000

Giả sử DN còn nợ người bán hàng 5.000.000 nên khấu trừ số tiền người bán trao đổi SP còn nợ lại. Số còn lại chi tiền mặt thanh toán đầy đủ cho người bán:

5: Nhập khẩu vật liệu chưa thanh toán trên cho nhà cung cấp là 10.000 USD. Tỷ giá thực tế là 23.010 VND/USD. DN chuyển TGNH để thanh toán khoản tiền trên. Tỷ giá xuất ngoại tệ với ngân hàng là 23.020; Tỷ giá thực tế tại thời điểm thanh toán là 23.030VND/USD.

**Bài 6: Công ty A&C là doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phưong pháp 'khấu trừ. trong tháng 5/20lx có tài liệu như sau:**

- Số dư đầu tháng:

+ Tài khoản 331: 240.000.000 (Chi tiết phải trả Công ty X)

+ Tài khoản 341: 500.000.000

- Tình hình phát sinh trong tháng:

1. Ngày 01, mua vật liệu chưa trả tiền người bán X, số lượng 5.000 kg, đon giá mua:10.000đ/kg, VAT 10%.

2. Ngày 03, vay ngân hàng để trả hết nợ cho Công ty X và ứng trước tiền dự kiến mua hàng kỳ này 45.000.000. Thời hạn vay sáu tháng, lãi suất 1,8%/tháng. Thanh toán một lần nợ gốc và lãi khi đến hạn.

3. Ngày 05, mua vật liệu giá mua chưa thuế GTGT là 110.000.000, bao gồm thuế GTGT 10%. Ngân hàng đã cho vay thanh toán trực tiếp cho người bán, thời hạn vay 3- tháng, lãi suất 1,7%/tháng. Thanh toán một lần cả nợ gốc và lãi khi đến hạn.

4. Ngày 10, vay ngân hàng để mua một xe tải dùng để chở hàng, giá mua chưa có thuế GTGT 500.000.000, thuế GTGT 10%, ngân hàng đồng ý cho doanh nghiệp vay trong thời hạn hai năm (lãi suất 15%/năm, thanh toán lãi hàng tháng) và đã thanh toán trực tiếp cho bên bán. Doanh nghiệp đã nhận xe và thanh toán lệ phí trước bạ, sang tên bằng tiền mặt 10.000.000. Đồng thời thanh toán lãi tháng đầu tiên cho ngân hàng bằng tiền gởi ngân hàng.

 5. Ngày 31, chuyển TGNH trả nợ vay ngân hàng, nợ gốc 210.000.000 và lãi vay 6 tháng với lãi suất 1.2%/tháng. Biết hàng tháng doanh nghiệp đã trích trước tiền lãi vay phải trả (đã trích trước 5 tháng).

 Yêu cầu:

(1) Tính toán và định khoản các nghiệp vụ trên.

(2) Phản ánh vào tài khoản phải trả người bán

**Bài 7 Công ty Cổ Phần Hoa Long trong tháng 12/201X có các nghiệp vụ kinh tế sau:**

1. Bán chịu một lô hàng trị giá 50 triệu đồng, thuế GTGT 10%. Khi khách hàng thanh toán tiền hàng, doanh nghiệp chuyển tiền trả nợ vay cho ngân hàng.

2. Doanh nghiệp đem một tài sản cố định nguyên giá là 500 triệu, hao mòn 100 triệu đi cầm cố để vay vốn dài hạn. Ngân hàng sau khi xem xét đã duyệt cho công ty vay 50% giá trị còn lại của tài sản cầm cố. Khoản vốn vay này được công ty trả nợ cho người bán.

3. Do nhu cầu cần vốn nên công ty tiến hành phát hành trái phiếu mệnh giá 500 triệu thu bằng TGNH. Chi phí phát hành trái phiếu là 1 triệu đồng trả bằng tiền mặt.

4. Dùng TGNH trả nợ vay ngân hàng là 30 triệu, trả nợ vay đến hạn trả là 50 triệu và trả lãi vay là 2 triệu.

Yêu cầu: Định khoản các NVKT phát sinh trên.

**Bài 8 Có các tài liệu trong tháng 3/201X của công ty T&A như sau:**

A- Số dư đầu tháng (đvt: đồng):

+ TK 331 công ty Long Vũ: 70.000.000 (dư Có)

 + TK 331 công ty Phát Đạt: 20.000.000 (dư Có)

 + TK 331 công ty Thành Long: 100.000.000 (dư Nợ)

 Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**B- Các nghiệp vụ phát sinh trong tháng:**

 1. Nhập kho hàng hóa chưa trả tiền cho công ty Linh Hải 5.000 mét hàng hóa A, giá mua chưa thuế l0.000/mét, thuế suất GTGT 10%. Nếu thanh toán trước thòi hạn quy định sẽ được hưởng chiết khấu 1%/ giá thanh toán.

 2. Trả số nợ công ty Phát Đạt bằng tiền mặt.

 3. Thanh toán hết nợ công ty Linh Hải bằng chuyển khoản sau khi trừ đi chiết khấu được hưởng do thanh toán sớm tiền nợ.

 4. Công ty Thành Long giao lô hàng hóa doanh nghiệp đặt tháng trước, giá chưa thuế 80.000.000đ, thuế suất GTGT 10%. Doanh nghiệp kiểm nhận đủ tiêu chuẩn và nhập kho lô hàng này. Doanh nghiệp thanh toán cho công ty Thành Long bằng chuyền khoản 50.000.000đ, trừ vào số tiền đã ứng trước vào tháng trước cho công ty Thành Long, còn lại nợ lại công ty Thành Long.

 5. Ứng trước bằng chuyển khoản cho công ty Xây Dựng ABC 200.000.000đ để chuẩn bị xây dựng văn phòng công ty.

 6. Chuyển khoản trả hết nợ công ty Long Vũ

**Yêu cầu:**

(1) Lập định khoản.

 (2) Mở sổ chi tiêt theo dõi thanh toán với từng người bán.

 (3) Thể hiện chỉ tiêu phải trả người bán trên Bảng cân đối kế toán.

**Bài 9:** Có các tài liệu trong tháng 6/201X của doanh nghiệp XYZ như sau (Đvt: đồng):

 A- Số dư đầu tháng:

 + TK341: 210.000.000

 + TK331 120.000.000 (Dư Có, Công ty X)

 Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**B- Các nghiệp vụ phát sinh trong tháng:**

 1. Vay ngân hàng để trả cho công ty X gồm: số nợ kỳ trước và ứng trước tiền hàng kỳ này 30.000.000. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 1,22%/tháng. Thanh toán một lần cả nợ gốc và lãi khi đến hạn.

 2. Vay ngân hàng để mua phương tiện vận tải dùng cho hoạt động kinh doanh, giá mua chưa có thuế GTGT 790.000.000, thuế GTGT 10%, ngân hàng đồng ý cho doanh nghiệp vay và đã thanh toán trực tiếp cho bên bán. Doanh nghiệp chi tiền mặt thanh toán lệ phí trước bạ 15.000.000. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 1,25%/tháng. Thanh toán một lần cả nợ gốc và lãi khi đến hạn.

 3. Mua vật liệu nhập kho, giá mua chưa thuế GTGT là 70.000.000, thuế suất GTGT 10%. Ngân hàng đã cho vay thanh toán trực tiếp cho người bán, thời hạn vay ba tháng, lãi suất 1,25%/tháng. Thanh toán một lần cả nợ gốc và lãi khi đến hạn.

 4. Mua công cụ dụng cụ chưa trả tiền người bán Y số lượng 10 bộ, đơn giá mua chưa thuế GTGT là 450.000, thuế suất GTGT 10%.

Yêu cầu: Tính toán và định khoản kế toán liên quan đến các nghiệp vụ trên. Thể hiện chỉ tiêu phải trả người bán trên BCĐKT.

**Bài 10:** Tại công ty A30 trong tháng 12/201X có tài liệu như sau:

 1. Ngày 01, nhận bàn giao và đưa vào sử dụng một TSCĐ hữu hình theo hợp đồng thuê tài chính, thời hạn thuê 5 năm. Giá trị hợp lý của tài sản thuê là 3.600.000.000, thuế GTGT 10%. Lãi thuê phải trả 1,2%/tháng tính trên số dư nợ gốc giảm dần. vốn gốc, tiền thuế GTGT và lãi thuê được trả cuối mỗi tháng.

 2. Ngày 10, phát hành 4.000 trái phiếu kỳ hạn 4 năm, mệnh giá 1.000.000/trái phiếu, lãi suất 15%/năm trả lãi sau. Trái phiếu được bán theo đúng mệnh giá và tiền thu được chuyển vào tài khoản ngân hàng.

 3. Ngày 15, phát hành 2.000 trái phiếu kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 2.000.000/trái phiếu, giá bán trái phiếu là 1.980.000/trái phiếu, lãi suất 12%/năm trả lãi trước. Tiền phát hành trái phiếu được thu bằng tiền mặt.

 4. Ngày 31, nhận hóa đơn GTGT thuê tài chính TSCĐ đã thuê ở ngày 01, doanh nghiệp đã chi tiền mặt trả nợ gốc phải trả trong tháng 12, thuế GTGT và tiền lãi thuê.

 Yêu cầu: Tính toán và định khoản các nghiệp vụ trên.

**Bài 11**Trích tài liệu kế toán tháng 12/201X của Công ty B như sau:

 1. Phát hành 5.000 trái phiếu kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 1.000.000/trái phiếu, lãi suất 10%/năm trả lãi sau. số tiền bán trái phiếu theo đúng mệnh giá đã đuợc chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty.

 2. Phát hành 3.000 trái phiếu kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 5.000.000/trái phiếu, lãi suất 6%/năm trả lãi sau. Tại thời điểm này, lãi suất huy động vốn của ngân hàng trả cho người gửi là 6,3%/năm. Do lãi suất thị trường lớn hcm lãi suất danh nghĩa nên công ty bán trái phiếu với giá 4.940.000/trái phiếu. Tổng số tiền thu phát hành trái phiếu được chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty.

 3. Phát hành 3.000 trái phiếu kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 5.000.000/trái phiếu, lãi suất 6%/năm trả lãi sau. Giả sử tại thời điểm này, lãi suất huy động vốn của ngân hàng trả cho người gửi là 6,3%/năm. Do lãi suất thị trường nhỏ hơn lãi suất danh nghĩa nên công ty bán trái phiếu với giá 5.050.000/trái phiếu. Tổng số tiền thu phát hành trái phiếu được chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty.

 4. Nhận hóa đơn GTGT thuê tài chính, số nợ gốc phải trả trong tháng 12 là 50.000.000, thuế GTGT 2.500.000, tiền lãi thuê phải trả là 30.000.000.

 5. Phát hành 5.000 trái phiếu kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 1.000.000/trái phiếu, lãi suất 8%/năm trả lãi từng năm. Số tiền bán trái phiếu theo đúng mệnh giá đã đươc chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty.

 Yêu cầu: Tính toán và định khoản kế toán liên quan đến các nghiệp vụ trên.

**Bài 12:** Công ty A&H thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong tháng 1 năm 20 lx có các tài liệu liên quan đến thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

**- Số dư đầu tháng:**

 • Tài khoản 3334: 30.500.000 đ

 • Tài khoản 133: 22.000.000 đ

 - Trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

 1. Thuế môn bài phải nộp trong năm là 3.000.000 đ.

 2. Nộp thuế môn bài bằng tiền chuyển khoản.

 3. Nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT của lô hàng hóa mới nhập khẩu trong tháng bằng tiền gởi ngân hàng. Biết giá tính thuế nhập khẩu của hàng hóa là 50.000.000 đ, thuế nhập khẩu là 5%, thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%.

 4. Mua chịu hàng hóa nhập kho với giá mua chưa thuế là 20.000.000 đ, thuế GTGT 10%.

 5. Bán hàng trong tháng: giá bán chưa thuế 120.000.000 đ, thuế GTGT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

6. Dùng TGNH nộp thuế TNDN của năm trước.

7. Dựa trên bảng tạm tính với cơ quan thuế, xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải tạm nộp trong quý này là 9.000.000 đ, doanh nghiệp đã nộp vào ngân sách bằng TGNH.

8. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào và đầu ra phải nộp tháng này.

Yêu cầu:

(1) Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

(2) Xác định số thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ.

(3) Phản ánh vào các tài khoản thuế.

**CHƯƠNG 4 KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bài 1**: Công ty TNHH A có tình hình như sau:

Số dư ngày 31/03/N của TK 421 là 100.000.000đ. Trong đó:

TK 4211 là 80.000.000đ

TK 4212 là 20.000.000đ

Trong năm N – 1, công ty có lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN là 190.000.000đ và đã tạm chia lãi cho thành viên góp vốn là 50.000.000đ, trích Quỹ đầu tư phát triển: 50.000.000đ, Quỹ khen thưởng: 5.000.000đ, Quỹ phúc lợi: 5.000.000đ.

1. Quyết định phân phối số lợi nhuận còn lại của năm trước (năm N – 1):

Chia lãi bổ sung cho các thành viên góp vốn: 50.000.000đ

Trích thưởng cho ban điều hành: 10.000.000đ

Số lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối năm trước sau khi trừ 2 khoản trên, được trích thêm Quỹ đầu tư phát triển 50%, Quỹ khen thưởng 20%.

2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong tháng 4/N là lỗ 8.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Bài 2**: Một doanh nghiệp A có số dư đầu TK 4211: 200 Triệu.

Trong tháng có các nghiệp vụ phát sinh như sau:

1. DN XĐ thuế TNDN phải nộp theo kế hoạch trong năm là 40 triệu và đã nộp bằng chuyển khoản

2. DN tạm trích quỹ đầu tư phát triển 20 triệu

3. Báo cáo tài chính năm trước của DN A được duyệt. lãi trước thuế năm đó 800 triệu, trong đó phân phối như sau:

·          Nộp thuế: 20%

·          Số tiền còn lại trích lập các quỹ:

·          Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 50 triệu

·          Quỹ đầu tư phát triển: 50 triệu, Số thu nhập còn lại được phân phối

Biết rằng số lãi đã tạm nộp phân phối trong năm trước như sau:

·          Nộp thuế TNDN: 240 triệu

·          Trích Quỹ ĐTư PT: 160 triệu

·          Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 100 triệu

Yêu cầu: Định hoản và phản ánh vào các TK các nghiệp vụ phân phối TNhập

**Bài 3: Đầu tháng 12/N, công ty L có tình hình như sau:**

– Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 300.000

– Lợi nhuận đã phân phối: 500.000 trong đó: Trích quỹ đầu tư phát triển: 200.000; quỹ khen thưởng: 80.000; quỹ phúc lợi: 70.000

– Quỹ đầu tư phát triển hiện còn: 200.000

– Quỹ khen thưởng hiện còn: 30.000

**Trong tháng 12/N, công ty có tình hình như  sau:**

* Sử dụng quỹ phúc lợi mua thiết bị phục vụ cho hoạt động thể thao, giá mua chưa có thuế GTGT: 20.000, thuế GTGT 2.000, công ty đã thanh toán cho người bán bằng chuyển khoản.
* Trích quỹ khen thưởng để thưởng cho CNV của công ty: 20.000 (Đã trả bằng tiền mặt)
* Mua và đưa vào sử dụng một thiết bị sản xuất, giá mua chưa có thuế GTGT: 150.000, thuế suất 10%, công ty chưa trả tiền cho người bán. Nguồn mua sắm: quỹ đầu tư phát triển.
* Do vi phạm hợp đồng kinh tế công ty phải bồi thường thiệt hại cho đơn vị bạn theo quyết định cảu tòa án 20.000; Công ty đã trả bằng chuyển khoản. Hội đồng quản trị quyết định dung quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản thiệt hại này.
* Kết chuyển lợi nhuận kế toán tháng 12/N: 200.000
* Tạm trích lợi nhuận năm N để trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển: 10.000.

**Yêu Cầu:**

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Xác định *lợi nhuận sau thuế* của cả năm N.

**Bài 4**: Doanh nghiệp tư nhân A có tình hình như sau:

1. Tổng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp trong năm N là: 250.000.000đ

Ban giám đốc quyết định:

Trích Quỹ đầu tư phát triển: 80%

Trích Quỹ khen thưởng: 10%

Trích Quỹ phúc lợi: 10%

2. Mua 1 TSCĐ dùng trong phân xưởng, giá mua chưa thuế 50.000.000đ, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử đã trả bằng tiền mặt là 2.100.000đ, gồm thuế GTGT 100.000đ. Biết TSCĐ hữu hình này được đài thọ bởi Quỹ đầu tư phát triển.

3. Chi tiền mặt khen thưởng cuối năm cho nhân viên do Quỹ khen thưởng đài thọ là 10.000.000đ.

4. Chi tiền mặt cho nhân viên A mượn mua xe lấy từ Quỹ phúc lợi là 5.000.000đ.

5. Chi tiền mặt 1.000.000đ trợ cấp khó khăn cho nhân viên B do Quỹ phúc lợi đài thọ.

6. Chi tiền mặt mua quà tết cho gia đình một số nhân viên đã nghỉ hưu do Quỹ phúc lợi đài thọ là 1.000.000đ, thuế GTGT 10%.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Bài 5**: Công ty cổ phần A trong năm N có tình hình như sau:

1. Phát hành thêm 10.000 cổ phần có mệnh giá 1.000.000đ/cổ phần. Với phương án phát hành như sau:

70% số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu theo giá phát hành bằng mệnh giá. Chênh lệch giá bán thấp hơn được xử lý ngay vào quỹ phúc lợi.

5% số lượng cổ phần phát hành cho cán bộ công nhân theo giá phát hành bằng

80% mệnh giá.

25% số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược theo giá phát hành

bằng 120% mệnh giá.

2. Mua lại 5.000 cổ phần đang lưu hành dùng làm cổ phiếu quỹ, giá mua lại 1.500.000đ/cổ phần, đã thanh toán bằng tiền mặt.

3. Theo quyết định của hội đồng quản trị, 5.000 cổ phiếu quỹ trên được xử lý như sau:

Thưởng cho ban điều hành 1.000 cổ phần lấy nguồn từ quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu đài thọ, giá phát hành bằng mệnh giá.

Phát hành ra bên ngoài 1.000 cổ phần với giá phát hành 2.000.000đ/cổ phần.

Số còn lại xử lý hủy.

Yêu cầu: Định khoản các nghiêp vụ phát sinh trên.

**Bài 6**: Doanh nghiệp nhà nước A có tình hình như sau:

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hàng hóa ngày 31/12/N

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại hàng hóa | SL sổ sách | SL thực tế | Chênh lệch | Đơn giá cũ | Đơn giá mới |
| Hàng hóa A | 1.000 kg | 950 kg | - 50 kg | 12.000đ/kg | 15.000đ/kg |
| Hàng hóa B | 700 m | 700 m | 0 | 25.000đ/m | 21.000đ/m |
| Hàng hóa C | 5.000 lít | 5.200 lít | + 200 lít | 8.000đ/lít | 10.000đ/lít |

Yêu cầu:

1. Điều chỉnh chênh lệch tài sản thừa, thiếu phát hiện qua kiểm kê chờ xử lý.

2. Đánh giá lại hàng hóa theo đơn giá mới theo quy định của nhà nước.

3. Xử lý chênh lệch do đánh giá lại hàng hóa vào cuối niên độ kế toán.

**CHƯƠNG 5 KẾ TOÁN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

Bài 1: Công ty bán lẻ hàng hóa tiêu dùng, thuộc đối tượng tính thuế GTGT 10% theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ. Trong kỳ có các tài liêu:

Hàng tồn đầu kỳ:

Tồn tại kho: 1.000 đơn vị (trị giá 10.000.000đ)

Tồn tại quầy: 500 đơn vị (trị giá 5.000.000đ, giá bán lẻ chưa thuế 15.000đ/đơn vị)

1. Nhập kho hàng hóa mua từ nhà sản xuất 9.000 đơn vị chưa trả tiền. Giá mua chưa thuế GTGT 120.000.000đ.

2. Xuất kho hàng giao quầy bán lẻ 7.000 đơn vị.

3. Tổng hợp hóa đơn bán lẻ trong kỳ 6.000 đơn vị, đã bán thu tiền mặt. Giá bán lẻ

chưa thuế 20.000đ/đơn vị. Tổng hợp phiếu nộp tiền bán hàng trong kỳ:

132.000.000đ.

4. Cuối kỳ kiểm hàng tại quầy, số hàng tồn kho là 1.480 đơn vị. Hàng thiếu, nhân viên bán hàng phải bồi thường theo giá bán có thuế.

5. Bảng tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (đv tính: đồng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Yếu tố chi phí | Phục vụ bán hàng | Phục vụ quản lý |
| Lương | 10.000.000 | 5.000.000 |
| BHYT, BHXH, KPCĐ | 1.900.000 | 950.000 |
| Vật liệu bao gói hàng | 2.520.000 | 0 |
| Khấu hao | 5.000.000 | 1.500.000 |
| Dịch vụ mua ngoài | 4.380.000 | 6.250.000 |
| Chi bằng tiền mặt | 3.500.000 | 7.500.000 |
| Cộng | 27.300.000 | 21.200.000 |

Yêu cầu: Ghi nhận các bút toán phản ánh tình hình mua hàng, bán hàng và xác định lợi nhuận trước thuế.

Bài 2: Tại một Công ty M tính thuế GTGT khấu trừ, thuế suất GTGT 10%, trong tháng 12 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau.

Giả định đầu tháng 12 các tài khoản có số dư hợp lý:

1. Ngày 5/12, công ty xuất kho hàng hóa gửi đi cho Công ty X theo hình thức chuyển hàng trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 500.000.000đ, giá bán chưa thuế

600.000.000đ, bên mua chưa nhận được hàng.

2. Ngày 7/12, công ty xuất hàng bán ngay tại kho, trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 500.000.000đ, giá bán chưa thuế 600.000.000đ, bên mua nhận hàng trả ngay bằng tiền mặt.

3. Ngày 8/12, công ty đồng ý trừ chiết khấu thương mại tháng trước cho người mua Z là 250.000đ, công ty trừ vào nợ tiền hàng.

4. Ngày 10/12, công ty đồng ý cho người mua trả lại lô hàng đã bán ở tháng trước theo giá bán chưa thuế 260.000.000đ và thuế giá trị gia tăng 26.000.000đ, giá mua 200.000.000đ lô hàng này người mua đã trả tiền. Hàng trả lại còn gởi bên mua.

5. Ngày 11/12, công ty nhận được giấy báo của Công ty X đã nhận được lô hàng gửi đi ngày 5/12, kèm theo biên bản thiếu một số hàng theo giá bán chưa thuế

20.000.000đ, giá mua 18.000.000đ, chưa rõ nguyên nhân. Công ty X đồng ý mua

theo số thực tế, tiền chưa thanh toán.

6. Ngày 16/12, công ty xuất kho hàng hóa gửi đi cho Công ty Y theo hình thức chuyển hàng, trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 700.000.000đ, giá bán chưa thuế

900.000.000đ, bên mua chưa nhận được hàng.

7. Ngày 17/12, công ty mua hàng HTX và đã bán thẳng cho Công ty N trị giá mua chưa thuế 200.000.000đ, trị giá bán chưa thuế 370.000.000đ, tiền mua và bán chưa thanh toán.

8. Ngày 19/12, công ty nhận được giấy báo của Công ty Y đã nhận được lô hàng gửi đi ngày 16/12, kèm theo biên bản thừa một số hàng theo giá bán chưa thuế 100.000đ, giá mua 80.000đ, chưa rõ nguyên nhân. Công ty Y đồng ý mua hàng theo hóa đơn, tiền chưa thanh toán. Hàng thừa công ty Y giữ hộ cho bên bán.

9. Ngày 22/12, công ty xuất kho bánh ngọt, nước ngọt phục vụ cho tổng kết năm của hoạt động công đoàn công ty, giá bán chưa thuế là 200.000đ, giá vốn là 160.000đ.

10. Ngày 24/12, xuất kho hàng hóa làm từ thiện có giá mua 4.000.000đ, giá bán chưa thuế 5.000.000đ do quỹ phúc lợi tài trợ.

11. Ngày 25/12, công ty xuất kho hàng để thưởng cho nhân viên quảng cáo bán hàng, giá bán chưa thuế là 100.000đ, giá vốn là 80.000đ.

Yêu cầu:

1. Ghi nhận các bút toán phát sinh trên

2. Tính và lập bút toán kết chuyển Doanh thu bán hàng thuần vào cuối kỳ.

3. Tính và lập bút toán kết chuyền Giá vốn hàng bán vào cuối kỳ.

Bài 3: Trong tháng 12, công ty M tập hợp chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp như sau:

1. Lương phải trả cho nhân viên bán hàng và bốc xếp, đóng gói là 10.000.000đ, nhân viên quản lý 8.000.000đ, trích BHXH, BHYT, KPCĐ đúng chế độ.

2. Xuất kho một số công cụ dùng phục vụ bán hàng 2.000.000đ, phân bổ trong 4 tháng.

3. Xuất kho vật liệu phụ cho bán hàng 200.000đ, cho quản lý 300.000đ, vật liệu sử dụng hết trong tháng.

4. Rút TGNH trả tiền thuế môn bài cho công ty 1.200.000đ, kế toán phân bổ 12 tháng.

5. Chi tiền mặt trả phí vận chuyển bán hàng 3.000.000đ.

6. Chi tiền mặt nộp thuế cầu đường cho các phương tiện vân chuyển công ty 400.000đ

7. Chi tiền mặt trả tiền cho chuyên viên kế toán tổ chức và tập huấn cho nhân viên

phòng kế toán công ty 1.300.000đ.

8. Phải trả tiền chi phí quảng cáo hàng hóa 60.000.000đ và thuế giá trị gia tăng khấu trừ 6.000.000đ, phân bổ 6 tháng.

9. Nhận hóa đơn tiếp khách của công ty giá chưa thuế 900.000đ, thuế GTGT 150.000đ, chưa trả tiền.

10. Khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng 1.400.000đ, bộ phận quản lý 1.600.000đ.

11. Phải trả tiền điện, nước, điện thoại theo hóa đơn tháng này là 2.000.000đ và thuế giá trị gia tăng khấu trừ tính 10%.

- Dùng cho kho hàng hóa: 1.200.000đ

- Dùng cho bán hàng: 800.000đ

12. Lập dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm 1.000.000đ.

13. Lập dự phòng quỹ trợ cấp mất việc làm 700.000đ.

Yêu cầu:

1. Ghi nhận các bút toán phát sinh trên.

2. Tính và lập bút toán kết chuyển toàn bộ chi phí hoạt động vào cuối kỳ.

3. Căn cứ số liệu của BT 7.2 và BT 7.3 trình bày trên sơ đồ tài khoản chữ T để xác định kết qủa kinh doanh (cho biết công ty đang trong giai đoạn miễn thuế TNDN).

Bài 4: Tại một doanh nghiệp trong tháng có tinh hình sau:

1. Nhận giấy báo chia lãi từ hoạt động liên doanh 5.000.000đ. Chi phí theo dõi họat động liên doanh 500.000đ bằng tiền mặt.

2. Rút TGNH nộp phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế 2.000.000đ.

3. Thu được nợ khó đòi đã xử lý 2 năm trước 10.000.000đ bằng tiền mặt.

4. Thanh lý TSCĐHH, nguyên giá 15.000.000đ, hao mòn 13.800.000đ, chi phí thanh lý 300.000đ, phế liệu bán thu bằng tiền mặt 800.000đ.

5. Bán chứng khoán đầu tư ngắn hạn, có giá gốc 12.000.000đ, giá bán thu bằng tiền mặt 11.000.000đ.

6. Xử lý nợ phải trả 4 năm trước không ai đòi 10.000.000đ vào thu nhập khác.

7. Nhận thông báo được chia cổ tức đầu tư chứng khoán 5.000.000đ.

8. Doanh nghiệp nhận thông báo giảm thuế GTGT 6.000.000đ.

9. Phải thu lãi tiền cho vay 7.000.000đ theo hợp đồng cho vay.

Yêu cầu:

1. Ghi nhận các bút toán phát sinh trên.

2. Kết chuyển tính kết quả kinh doanh cho từng hoạt động tài chính, HĐ khác.

Bài 5. Tập hợp doanh thu và chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tại 1 doanh nghiệp gồm:

1. Doanh thu bán hàng gộp: 256.000.000đ. Chiết khấu thương mại là 500.000đ, giảm giá hàng bán 1.500.000đ, doanh thu hàng bán bị trả lại 9.000.000đ.

2. Doanh thu họat động tài chính: 13.000.000đ.

3. Thu nhập khác: 200.000đ

4. Tổng giá vốn hàng bán phát sinh (bao gồm hàng bán bị trả lại): 158.000.000đ và giá vốn hàng bán bị trả lại là 8.000.000đ.

5. Chi phí tài chính: 4.000.000đ.

6. Chi phí bán hàng: 20.000.000đ.

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp: 12.000.000đ

8. Chi phí khác: 2.300.000đ.

Cuối kỳ kế toán cần điều chỉnh thêm các bút toán sau:

a. Phân bổ công cụ đang sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp hàng kỳ là

800.000đ.

b. Dự phòng chi phí bảo hành hàng hóa kỳ này là 500.000đ.

c. Dự phòng quỹ trợ cấp mất việc làm 200.000đ.

d. Tính và ghi nhận doanh thu tài chính khoản tiền lãi cho vay phải thu vào cuối kỳ 2.000.000đ.

e. Kết chuyển từ doanh thu chưa thực hiện khoản lãi trả góp hàng tháng đã thu của khách hành là 3.000.000đ.

Yêu cầu:

1. Trình bày trên sơ đồ tài khoản chữ T các TK có liên quan để thực hiện các công việc kế toán vào cuối kỳ tính kết quả kinh doanh (công ty tạm thời chưa tính thuế TNDN).

2. Giả sử doanh nghiệp trong kỳ có 10.000.000đ chi phí không chứng từ hợp pháp bị loại trước khi tính thuế TNDN. Các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí còn lại đều là đối tượng tính thuế TNDN hợp pháp, hợp lệ. Thuế suất thu nhập DN phải nộp 20%/ tổng thu nhập chịu thuế. Hãy thực hiện lại các công việc kế toán vào cuối kỳ tính kết quả kinh doanh (theo yêu cầu 1).

**Bài 6:** Tại một Công ty M tính thuế GTGT khấu trừ, thuế suất GTGT 10%, trong tháng 12 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau.

Giả định đầu tháng 12 các tài khoản có số dư hợp lý:

1. Ngày 5/12, công ty xuất kho hàng hóa gửi đi cho Công ty X theo hình thức chuyển hàng trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 500.000.000đ, giá bán chưa thuế 600.000.000đ, bên mua chưa nhận được hàng.

2. Ngày 7/12, công ty xuất hàng bán ngay tại kho, trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 500.000.000đ, giá bán chưa thuế 600.000.000đ, bên mua nhận hàng trả ngay bằng tiền mặt.  
3. Ngày 8/12, công ty đồng ý trừ chiết khấu thương mại tháng trước cho người mua Z là 250.000đ, công ty trừ vào nợ tiền hàng.

4. Ngày 10/12, công ty đồng ý cho người mua trả lại lô hàng đã bán ở tháng trước theo giá bán chưa thuế 260.000.000đ và thuế giá trị gia tăng 26.000.000đ, giá mua 200.000.000đ lô hàng này người mua đã trả tiền. Hàng trả lại còn gởi bên mua.

5. Ngày 11/12, công ty nhận được giấy báo của Công ty X đã nhận được lô hàng gửi đi ngày 5/12, kèm theo biên bản thiếu một số hàng theo giá bán chưa thuế 20.000.000 đ giá mua 18.000.000đ, chưa rõ nguyên nhân. Công ty X đồng ý mua theo số thực tế, tiền chưa thanh toán.

6. Ngày 16/12, công ty xuất kho hàng hóa gửi đi cho Công ty Y theo hình thức chuyển hàng, trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 700.000.000đ, giá bán chưa thuế 900.000.000đ, bên mua chưa nhận được hàng

7. Ngày 17/12, công ty mua hàng HTX và đã bán thẳng cho Công ty N trị giá mua chưa thuế 200.000.000đ, trị giá bán chưa thuế 370.000.000đ, tiền mua và bán chưa thanh toán.  
8. Ngày 19/12, công ty nhận được giấy báo của Công ty Y đã nhận được lô hàng gửi đi ngày 16/12, kèm theo biên bản thừa một số hàng theo giá bán chưa thuế 100.000đ, giá mua 80.000đ, chưa rõ nguyên nhân. Công ty Y đồng ý mua hàng theo hóa đơn, tiền chưa thanh toán. Hàng thừa công ty Y giữ hộ cho bên bán.

9. Ngày 22/12, công ty xuất kho bánh ngọt, nước ngọt phục vụ cho tổng kết năm của hoạt động công đoàn công ty, giá bán chưa thuế là 200.000đ, giá vốn là 160.000đ.

10. Ngày 24/12, xuất kho hàng hóa làm từ thiện có giá mua 4.000.000đ, giá bán chưa thuế 5.000.000đ do quỹ phúc lợi tài trợ.

11. Ngày 25/12, công ty xuất kho hàng để thưởng cho nhân viên quảng cáo bán hàng, giá bán chưa thuế là 100.000đ, giá vốn là 80.000đ.

**Yêu cầu:**

1. Ghi nhận các bút toán phát sinh trên

2. Tính và lập bút toán kết chuyển Doanh thu bán hàng thuần vào cuối kỳ.

3. Tính và lập bút toán kết chuyền Giá vốn hàng bán vào cuối kỳ.

**Bài 7:**Trong tháng 12, công ty M tập hợp chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp như sau:

1. Lương phải trả cho nhân viên bán hàng và bốc xếp, đóng gói là 10.000.000đ, nhân viên quản lý 8.000.000đ, trích BHXH, BHYT, KPCĐ đúng chế độ.

2. Xuất kho một số công cụ dùng phục vụ bán hàng 2.000.000đ, phân bổ trong 4 tháng.  
3. Xuất kho vật liệu phụ cho bán hàng 200.000đ, cho quản lý 300.000đ, vật liệu sử dụng hết trong tháng.

4. Rút TGNH trả tiền thuế môn bài cho công ty 1.200.000đ, kế toán phân bổ 12 tháng.  
5. Chi tiền mặt trả phí vận chuyển bán hàng 3.000.000đ.

6. Chi tiền mặt nộp thuế cầu đường cho các phương tiện vân chuyển công ty 400.000đ  
7. Chi tiền mặt trả tiền cho chuyên viên kế toán tổ chức và tập huấn cho nhân viên phòng kế toán công ty 1.300.000đ.

8. Phải trả tiền chi phí quảng cáo hàng hóa 60.000.000đ và thuế giá trị gia tăng khấu trừ 6.000.000đ, phân bổ 6 tháng.

9. Nhận hóa đơn tiếp khách của công ty giá chưa thuế 900.000đ, thuế GTGT 150.000đ, chưa trả tiền.

10. Khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng 1.400.000đ, bộ phận quản lý 1.600.000đ.  
11. Phải trả tiền điện, nước, điện thoại theo hóa đơn tháng này là 2.000.000đ và thuế giá trị gia tăng khấu trừ tính 10%.

– Dùng cho kho hàng hóa: 1.200.000đ

– Dùng cho bán hàng: 800.000đ

**Yêu cầu:**

* 1. Ghi nhận các bút toán phát sinh trên.
  2. Tính và lập bút toán kết chuyển toàn bộ chi phí hoạt động vào cuối kỳ.

3. Căn cứ số liệu của BT 7.2 và BT 7.3 trình bày trên sơ đồ tài khoản chữ T để xác định kết qủa kinh doanh (cho biết công ty đang trong giai đoạn miễn thuế TNDN).  
**Bài 4:**Tại một doanh nghiệp trong tháng có tinh hình sau:  
1. Nhận giấy báo chia lãi từ hoạt động liên doanh 5.000.000đ. Chi phí theo dõi họat động liên doanh 500.000đ bằng tiền mặt.

2. Rút TGNH nộp phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế 2.000.000đ.

3. Thu được nợ khó đòi đã xử lý 2 năm trước 10.000.000đ bằng tiền mặt.

4. Thanh lý TSCĐHH, nguyên giá 15.000.000đ, hao mòn 13.800.000đ, chi phí thanh lý 300.000đ, phế liệu bán thu bằng tiền mặt 800.000đ.

5. Bán chứng khoán đầu tư ngắn hạn, có giá gốc 12.000.000đ, giá bán thu bằng tiền mặt 11.000.000đ.  
6. Xử lý nợ phải trả 4 năm trước không ai đòi 10.000.000đ vào thu nhập khác.  
7. Nhận thông báo được chia cổ tức đầu tư chứng khoán 5.000.000đ.

8. Doanh nghiệp nhận thông báo giảm thuế GTGT 6.000.000đ.

9. Phải thu lãi tiền cho vay 7.000.000đ theo hợp đồng cho vay.

**Yêu cầu:**

1. Ghi nhận các bút toán phát sinh trên.

2. Kết chuyển tính kết quả kinh doanh cho từng hoạt động tài chính, HĐ khác

**Bài 5.** Tập hợp doanh thu và chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tại 1 doanh nghiệp gồm:  
1. Doanh thu bán hàng gộp: 256.000.000đ. Chiết khấu thương mại là 500.000đ, giảm giá hàng bán 1.500.000đ, doanh thu hàng bán bị trả lại 9.000.000đ.

2. Doanh thu họat động tài chính: 13.000.000đ.

3. Thu nhập khác: 200.000đ

4. Tổng giá vốn hàng bán phát sinh (bao gồm hàng bán bị trả lại): 158.000.000đ và giá vốn hàng bán bị trả lại là 8.000.000đ.

5. Chi phí tài chính: 4.000.000đ.

6. Chi phí bán hàng: 20.000.000đ.

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp: 12.000.000đ

8. Chi phí khác: 2.300.000đ.

Cuối kỳ kế toán cần điều chỉnh thêm các bút toán sau:

* 1. Phân bổ công cụ đang sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp hàng kỳ là  
     800.000đ.  
     b. Dự phòng chi phí bảo hành hàng hóa kỳ này là 500.000đ.

c. Dự phòng quỹ trợ cấp mất việc làm 200.000đ.

d. Tính và ghi nhận doanh thu tài chính khoản tiền lãi cho vay phải thu vào cuối kỳ 2.000.000đ.  
e. Kết chuyển từ doanh thu chưa thực hiện khoản lãi trả góp hàng tháng đã thu của khách hành là 3.000.000đ.

**Yêu cầu:**

1. Trình bày trên sơ đồ tài khoản chữ T các TK có liên quan để thực hiện các công việc kế toán vào cuối kỳ tính kết quả kinh doanh (công ty tạm thời chưa tính thuế TNDN).  
2. Giả sử doanh nghiệp trong kỳ có 10.000.000đ chi phí không chứng từ hợp pháp bị loại trước khi tính thuế TNDN. Các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí còn lại đều là đối tượng tính thuế TNDN hợp pháp, hợp lệ. Thuế suất thu nhập DN phải nộp 28%/ tổng thu nhập chịu thuế. Hãy thực hiện lại các công việc kế toán vào cuối kỳ tính kết quả kinh doanh (theo yêu cầu 1).

**Bài 6:** Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/201X của công ty thương mại Neso:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tài sản** | **Số tiền** | **Nguồn vốn** | **Số tiền** |
| **A. TS ngắn hạn** |  | **A. Nợ phải trả** |  |
| Tiền mặt | 8.000.000 | Vay ngân hàng | 4.800.000 |
| Tiền gửi NH | 12.000.000 | Phải trả người bán | 7.000.000 |
| Hàng hóa | 7.000.000 | Thuế GTGT phải nộp | 200.000 |
| Phải thu KH | 9.000.000 |
| **B. TS dài hạn** |  | **B. Vốn CSH** |  |
| Nguyên giá TSCĐ | 48.000.000 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 64.000.000 |
| Hao mòn | (8.000.000) |  |  |
| **Tổng tài sản** | **76.000.000** | **Tổng nguồn vốn** | **76.000.000** |

***Biết hàng hóa tồn kho có số lượng: 100 cái***

**tháng một có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau***(Đvt: Đồng)'.*

1. Mua hàng hóa nhập kho số lượng 100, đơn giá 80.000đ/cái, thuế GTGT 10%, trả bằng chuyển khoản 50%, nợ lại người bán 50%.

1. Lương phải trả ở bộ phận bán hàng: 800.000, bộ phận QLDN: 400.000
2. Xuất hàng bán tại kho, số lượng 150, đơn giá bán 140.000đ/cái, thuế GTGT 10%, thu bằng tiền mặt. Hàng hóa xuất kho theo phương pháp FIFO
3. Trích khấu hao TSCĐ, dùng ở bộ phận QLDN 800.000, bộ phận bán hàng 400.000
4. Dùng tiền mặt trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng: 3.000.000
5. Nhận được giấy báo có của ngân hàng về khoản tiền khách hàng trả nợ số tiền: 2.000.000
6. Dùng TGNH trả nợ cho người bán 1.200.000

**Yêu cầu:**

1. Định khoản tài liệu trên.
2. Xác định kết quả kinh doanh trong tháng
3. Lập bảng cân đối kế toán cuối tháng

**Bài 7: Tại một doanh nghiệp có các tài liệu sau:**

**Số dư đầu tháng của một số tài khoản**(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

>TK 111:3.000, TK 152: 9.750, TK 112: 10.500, TK211: 55.750

> TK 214: 9.000, TK 341: 6.000, TK 331: 13.000, TK 411: 49.500, TK421: 1.500

Vật liệu tồn kho đầu tháng có số lượng l.000kg.

Các tài khoản khác còn lại từ loại 1 đến loại 4 có số dư - 0.

**Tình hình phát sinh trong tháng (Đvt: đồng):**

1. Nhập kho l.000kg vật liệu chưa trả tiền cho người bán: giá mua 9.600đ/kg, thuế GTGT: 10%.
2. Xuất kho 1,500kg vật liệu để sản xuất sản phẩm. Vật liệu xuất kho tính theo phương pháp bình quân.
3. Khấu hao TSCĐ phải trích: Phân xưởng sản xuất 450.000đ, bộ phận bán hàng 300.000đ, bộ phận QLDN: 150.000đ.
4. Tiền lương phải trả cho công nhân viên bao gồm: công nhân trực tiếp sản xuất 1.200.000đ, nhân viên phân xưởng 300.000đ, nhân viên bán hàng: 300.000đ, nhân viên QLDN: 450.000đ.
5. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành.
6. Nhập kho 1.000 sản phẩm được sản xuất hoàn thành.
7. Xuất kho 600 sản phẩm để bán cho khách hàng: giá bán 24.000đ/sp, thuế GTGT 10%. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

**Yêu cầu:**

1. Tính toán, định khoản các tài liệu trên. Biết không có spdd đầu tháng và cuối tháng.
2. Kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh cuối tháng. Biết thuế TNDN có thuế suất 20%.
3. Lập bảng cân đối kế toán cuối tháng.

**Bài 8 Công ty La Na có tình hình tài sản tính đến ngày 31-12-201X như sau:***(Đvt: 1.000 đồng)*

|  |  |
| --- | --- |
| - Tài sản cô định | 50.000 |
| - Hao mòn TSCĐ | 10.000 |
| - Công cụ dụng cụ | 1.000 |
| - Hàng hóa | 30.000 |
| - Chi phí trả trước | 500 |
| - Tiền mặt | 5.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 15.000 |
| - Phải trả người bán | 5.000 |
| - Phải thu khách hàng | 6.000 |

**Trong tháng 1 năm 201x có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:**

1. Doanh nghiệp mua một số hàng hóa chưa trả tiền người bán 55.000, trong đó VAT là 5.000.
2. Doanh nghiệp trả chi phí vận chuyển bốc vác hàng hóa bằng tiền mặt là 11.000, trong đó thuế GTGT là 1.100.
3. Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua công cụ là 5.000
4. Vay ngân hàng trả nợ người bán 30.000
5. Thu khoản phải thu khác bằng tiền mặt là 5.000
6. Tài sản thiếu doanh nghiệp giải quyết giảm vốn kinh doanh là 5.000.
7. Xuất kho bán một số hàng hóa theo giá trị xuất kho là 60.000, giá bán chưa thuế là 85.000, thuế GTGT là 10%, người mua trả 70% bằng tiền mặt, số còn lại nợ.
8. Chi phí bốc vác lô hàng bán cho khách hàng trả bằng tiền mặt là 5.000
9. Tiền điện, nước phải trả là 5.500, trong đó thuế GTGT là 500; phân bổ cho bộ phận quản lý là 3.000, bán hàng là 2.000.
10. Khấu hao TSCĐ tính cho bộ phận quản lý là 80.000, bán hàng là 60.000
11. Trả lãi tiền vay ngân hàng là 4.000.
12. Tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý là 50.000, bộ phận bán hàng là 40.000
13. Trích các khoản theo lương theo tỷ lệ quy định hiện hành.
14. Doanh nghiệp xuất công cụ dụng cụ cho bộ phận QLDN là 4.000, phân bổ dần trong 4 tháng.

**Yêu cầu:**

1. Xác định X và lập Bảng cân đối kế toán vào **ngày 31/12/201X.**
2. Định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12/201X, và nêu tên các chứng từ cần lập tương ứng với từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
3. Phản ánh tài liệu trên vào tài khoản kế toán.
4. Lập báo cáo kết quả kinh doanh tháng 12/201X và bảng cân đối kế toán cuối tháng 12 năm 20 lx.
5. Khấu trừ thuế đầu vào và xác định số thuế GTGT còn phải nộp.

**Bài 9 Công ty TNHH 4H là một doanh nghiệp thưong mại kinh doanh mặt hàng G. Trong tháng 1 năm 201x có tài liệu như sau: *(Đvt: đồng)***

Ngày 1, thu nợ của công ty A bằng tiền chuyển khoản là 50 triệu (BC1/1).

Ngày 3, mua hàng hóa nhập kho, đơn giá mua 200.000đ/sản phẩm, VAT 10%, số lượng 200 sản phẩm, chưa trả tiền cho người bán M (hóa đơnVAT 1501 PNK 1/1)).

Ngày 5, mua một bộ bàn ghế văn phòng trả bằng tiền mặt là 16 triệu (hóa đơn bán hàng 2201 - PC2/1). Chi phí vận chuyển là 200.000, VAT 5%, trả bằng tiền mặt. (Hóa đơn VAT 2301 - PC 3/1). Bộ bàn ghế được sử dụng ngay.

Ngày 15, bán 500sp, đơn giá bán 350.000đ/sản phẩm (Hóa đơn VAT 5170), người mua B đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán. Nếu khách hàng thanh toán trong vòng 10 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 1%. (PXK 1/1).

Ngày 22, khách mua hàng ở NV 4 trả hết nợ sau khi trừ khoản chiết khấu được hưởng (PT 2/1)

Ngày 23, chi tiền, mặt tạm ứng cho nhân viên B (thuộc phòng kinh doanh) đi công tác 3.000.000 (PC 5/1).

Ngày 25, lương phải trả nhân viên là 80.000.000, trong đó: nhân viên bán hàng là 50.000.000, nhân viên QLDN là 30.000.000. Thủ quỹ đã chi tiền mặt thanh toán hết lương còn nợ cho nhân viên (PC 6/1).

Ngày 26, bán 400 sản phẩm, đơn giá bán 300.000đ/sản phẩm, VAT 10%, hóa đơn VAT 5171). Người mua chưa thanh toán 30% bằng tiền mặt, số còn lại mắc nợ (nếu thanh toán trong vòng 10 ngày thì được hưởng chiết khấu thanh toán 1%/giá thanh toán).

Ngày 30, nhân viên B tạm ứng đi công tác về thanh toán gồm: 2.200.000 tiền vé máy bay; 1.100,000 tiền khách sạn. Tiền vé, khách sạn đã có VAT 10%. Kế toán đã kiểm tra và bộ phận kinh doanh đã lập đề nghị thanh toán. Kế toán đã hoàn tất thủ tục hoàn ứng cho nhân viên B.

**Yêu cầu:**

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên và phản ánh vào tài khoản. Biết thuế TNDN phải nộp có thuế suất là 20%.
2. Lập bảng cân đối số phát sinh tháng 1/N
3. Lập bảng cân đối kế toán tại ngày 31/1/N
4. Lập báo cáo kết quả kinh doanh tháng 1/N.

***Tài liệu bể sung: Bảng CĐKT ngày 31/12/200(x-l)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Số tiền** | **Chí tiêu** | **Số tiền** |
| **A. TÀI SẢN NH** |  | **A. NỌ PHẢI TRẢ** |  |
| 1. Tiền mặt | 375.000.000 | 1. Vay và nợ thuê tài chính | 200.000.000 |
| 2. Tiền gửi NH | 100.000.000 | 2. Phải trà cho người bán | 150.000.000 |
| 3. Phải thu KH | 100.000.000 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15.000.000 |
| 4. Công cụ, dụng cụ | 12.000.000 | 4. Phải trà nhân viên | 60.000.000 |
| 5. Hàng hóa (\*) | 84.000.000 | 5. Phải trả khác | 10.000.000 |
| 6. Tạm ứng | 30.000.000 |  |  |
| 7. Ký quỹ | 8.000.000 |  |  |
| **B. TÀI SẢN DH**  8. Tài sản cố định | 87.000.000 | **B. VỐN CSH** |  |
| Nguyên giá | 132.000.000 | 6. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 311.000.000 |
| Hao mòn | (45.000.000) | 7. LN chưa phân phối | 50.000.000 |
| **CỘNG TÀI SẢN** | **796.000.000** | **CỘNG NGUÒN VỐN** | **796.000.000** |

*(\*) Mặt hàng G: số lượng 400 sản phẩm*Biết: Hàng hóa xuất kho theo phương pháp FIFO.

**Bài 10.**Công ty TNHH M&T là một doanh nghiệp thương mại kinh doanh mặt hàng G. *Trong thảng 12 năm 201x có tài liệu như sau:*(Đvt: Đồng)

1. Ngày 1, mua một bộ bàn ghế văn phòng trả bằng tiền mặt là 8 triệu. Bàn ghế sử dụng ngay, phân bổ hai lần
2. Ngày 5, ***Công ty A*** trả hết nợ và ứng trước bằng tiền mặt là 30 triệu.
3. Ngày 12, nhập khẩu lô hàng 600 sản phẩm, đơn giá nhập 10 USD, thuế nhập khẩu 20%, VAT hàng nhập khẩu 10%, chưa thanh toán cho người bán và chưa nộp thuế. (Tỷ giá 20.000đ/USD)
4. Ngày 15, dùng TGNH nộp thuế nhập khẩu và thuế VAT hàng NK.
5. Ngày 17, bán 500sp, đơn giá 350.000đ/sp, Khách hàng ***B*** chưa thanh toán (nếu thanh toán trong 10 ngày thì được hưởng chiết khấu thanh toán 2%/giá thanh toán).
6. Ngày 22, ***Khách hàng B*** mua hàng ở NV 5 trả 50% số tiền nợ sau khi trừ khoản chiết khấu được hưởng.
7. Ngày 23, lương phải trả nhân viên là 80.000.000, trong đó: nhân viên bán hàng là 50.000.000, nhân viên QLDN là 30.000.000. Thủ quỳ đã chi tiền mặt thanh toán toàn bộ lương còn nợ nhân viên.
8. Ngày 28, trả lãi vay ngân hàng bằng tiền mặt là 2 triệu. Thu lãi bằng TGNH là 1 triệu.
9. Ngày 30, Trích khấu hao TSCĐ trong tháng 12.

**Yêu cầu:**

1. Ghi các nghiệp vụ kinh tế trên vào sổ nhật ký chung tháng 12 năm 20 lx.
2. Xác định KQKD và lập báo cáo KQKD.
3. Lập bảng cân đối kế toán tháng 12/201X.
4. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng và xác định số thuế GTGT còn phải nộp.

***Biết: Hàng hóa xuất kho tính theo phương pháp bình quân.***

Bảng Cân đối kế toán ngày 30/11/20ỈX-1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Số tiền** | **Ghi chú** |
| 1. Tiền mặt | 336.000.000 |  |
| 2. Tiền gửi ngân hàng | 200.000.000 |  |
| 3. Phải thu khách hàng | 100.000.000 | Công ty A: 50.000.000 |
| 4. Hàng hóa tôn kho | 84.000.000 | Mặt hàng G: 400 sp |
| 5. Tài sản cố định HH | 60.000.000 | Dùng ở bộ phận QLDN |
| - Nguyên giá | 100.000.000 | Tỷ lệ khấu hao 12%/năm |
| - Hao mòn | (40.000.000) |  |
| **TÓNG TÀI SẢN** | **780.000.000** |  |
| 1. Vay ngân hàng | 200.000.000 |  |
| 2. Phải trả ngưòi bán | 150.000.000 |  |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp NN | 15.000.000 |  |
| 4. Phải trả nhân viên | 60.000.000 |  |
| 5. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 305.000.000 |  |
| 6. LN chưa phân phối | 50.000.000 |  |
| **TỎNG NGƯÒN VỐN** | **780.000.000** |  |

**Bài 11 Tại một doanh nghiệp sản xuất có bảng Cân đối kế toán ngày 31/03/201X như sau:**

*Đơn vị: 1.000 Đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TÀI SẢN** | **Số tiền** | **NGUỒN VÓN** | **Số tiền** |
| 1. Tiền mặt 2. Tiền gửi NH 3. Phải thu KH 4. Trả trước người bán 5. Nguyên vật liệu 6. Chi phí SXKDDD 7. Thành phẩm 8. Tài sản cố định HH 9. Hao mòn TSCĐ | 59.000  510.000  88.000  20.000  200.000  15.000  540.000  410.000  (42.000) | 1. Phải trà người bán 2. Người mua trả trước 3. Vốn đầu tư của chủ sở hữu 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 300.000  85.000  1.350.000  65.000 |
| **Tổng cộng** | **1.800.000** | **Tổng cộng** | **1.800.000** |

Chi tiết: Phải thu khách hàng A, Trả trước cho người bán B, Phải trả người bán c, Người mua D trả trước.

**Trong tháng 4 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:**

1. Mua nguyên vật liệu trị giá 50.000.000đ, thuế GTGT 10%; thanh toán cho người bán B bằng tiền gửi ngân hàng 35.000.000đ, số còn lại trừ vào số tiền đã ứng trước. Chi phí vận chuyển trả bằng tiền mặt 1.050.000đ, trong đó đã có thuế GTGT thuế suất 10%.
2. Mua một tài sản cố định trị giá 150.000.000d, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán E. Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử trả bằng tiền mặt 8.000.000đ.
3. Bán thành phẩm trực tiếp tại kho cho người mua D với giá xuất kho 200.000.000d và giá bán là 250.000.000d; thuế GTGT 10%. Khách hàng D trừ vào số tiền đã ứng trước, sổ còn lại nợ doanh nghiệp.
4. Xuất nguyên vật liệu trị giá 150.000.000đ dùng để trực tiếp sản xuất sản phẩm.
5. Xuất một số vật liệu để sản xuất sản phẩm 60.000.000d, để dùng ở bộ phận Quản lý phân xưởng 2.000.000đ, ở bộ phận Bán hàng 3.000.000đ, ở bộ phận Quản lý doanh nghiệp 2.000.000đ.
6. Xuất kho gửi bán thành phẩm cho khách hàng F với giá xuất kho 300.000.000d. Giá bán 380.000.000d, thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển sản phẩm gửi bán 1.680.000đ bằng tiền mặt, trong đó đã có thuế GTGT 5%.
7. Khấu hao TSCĐ dùng ở bộ phận Quản lý phân xưởng 20.000.000đ, ở bộ phận Bán hàng 5.000.000đ, ở bộ phận Quản lý doanh nghiệp 16.000.000d.
8. Tính lương phải trả cho công nhân sản xuất 100.000.000d, nhân viên bộ phận Quản lý phân xưởng 10.000.000d, nhân viên bộ phận Bán hàng 18.000.000đ, nhân viên bộ phận Quản lý doanh nghiệp 15.000.000đ.
9. Trích các khoản theo lương theo tỷ lệ quy định hiện hành.
10. Khách hàng F ở nghiệp vụ 6 đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.
11. Người mua D chuyển khoản ứng trước lô sản phẩm vừa đặt hàng xong 45.000.000đ.

**Yêu cầu**

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh lên các tài khoản chữ T.
2. Kết chuyển chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm và nhập kho thành phẩm. Biết trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ: 20.000.000d.
3. Cuối kỳ, tính toán số thuế GTGT cuối tháng trên hai TK133, 3331 và tiến hành khấu trừ thuế.
4. Xác định kết quả kinh doanh và kết chuyển
5. Lập Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp.

**Bài 12 Số dư đầu năm 20xx của công ty Happy Life như sau (Đvt: 1.000 đồng)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tài khoản | Số tiền | Tài khoản | Số tiền |
| TK 111: | 760.000 | TK341: | 180.000 |
| TK 112: | 1.200.000 | TK331: | 200.000 |
| TK 121: | 140.000 | TK 334: | 5.000 |
| TK 131: | 120.000 | TK 338: | 15.000 |
| TK 133: | 10.000 | TK411: | 2.600.000 |
| TK211: | 800.000 | TK214: | 30.000 |

Chi tiết TK131 bao gồm TK 131A (dư Nợ): 150.000 và TK 131B (dư Có): 30.000

TK 331 bao gồm TK 33IX (dư Có): 220.000 và TK 331Y (dư Nợ): 20.000

**Trong tháng 1 có các nghiệp vụ kinh tế sau:**

1. Ngày 3/1 nhận giấy báo nợ số 5 về việc chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng tháng trước cho người bán X là 80 triệu.
2. Xuất kho hàng bán, giá vốn là 50 triệu, người mua c đã chuyển tiền thanh toán, giấy báo có số 10 ngày 8/1 số tiền là 88 triệu, trong đó thuế GTGT là 8 triệu.
3. Ngày 10/1, rút tiền gửi ngân hàng về quỹ số tiền 100 triệu (phiếu thu số 20 kèm giấy báo nợ số 20)
4. Ngày 15/1, chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng tháng trước cho người bán X là 120 triệu (giấy báo nợ số 25), được hưởng chiết khấu thanh toán 2triệu bằng cách trừ nợ.
5. Ngày 18/1, chuyển khoản TGNH góp vốn liên doanh số tiền 150 triệu (giấy báo nợ số 27)
6. Ngày 22/1, chuyển TGNH mua hàng hóa nhập kho, số tiền 33 triệu, trong đó thuế GTGT là 3 triệu (giấy báo nợ số 28)
7. Ngày 23/1, chi tiền mặt 100 triệu gửi ngân hàng (giấy báo có số 15, phiếu chi số 30)
8. Ngày 25/1, người mua A chuyển khoản trả công ty số tiền mua hàng tháng trước với số tiền 77 triệu (giấy báo có số 20)
9. Ngày 26/1, chuyến khoản TGNH 25 triệu mua trái phiếu dài hạn (giấy báo nợ số 32)
10. Ngày 28/1, thanh toán lãi vay cho ngân hàng số tiền là 10 triệu cho khoản vay dài hạn (giấy báo nợ số 35)

**Yêu cầu:**

1. Lập Bảng cân đối kế toán cuối năm 20xx
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên
3. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh vào số cái tài khoản TGNH và các sổ nhật ký liên quan (hình thức nhật ký chung)
4. Lập Bảng cân đối kế toán cuối tháng l/20x
5. Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tháng 1 theo phương pháp trực tiếp.

**Bài 13** Tại doanh nghiệp thương mại T có số dư đầu kỳ các tài khoản tháng 12/201X như sau: (Đvt: Đồng)

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tiền mặt | 100.000.000 |
| 2. TGNH | 244.000.000 |
| 3. Phải thu của khách hàng | 200.000.000 |
| 4. Thuế GTGT khấu trừ | 15.000.000 |
| 5. Hàng hóa tôn kho | 156.000.000 |
| 6. Tạm ứng | 30.000.000 |
| 7. Tài sàn cố định hữu hình | 800.000.000 |
| - Nguyên giá | 900.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (100.000.000) |
| **TÔNG CỘNG TÀI SẢN** | **1.545.000.000** |
| 1. Vay ngân hàng | 300.000.000 |
| 2. Phải trả cho người bán | 150.000.000 |
| 3. Thuế thu nhập phải trả | 10.000.000 |
| 4. Phải trả công nhân viên | 10.000.000 |
| 5. Vốn đầu tư cùa chủ sở hữu | 1.000.000.000 |
| 6. Lợi nhuận chưa phân phối | 75.000.000 |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **1.545.000.000** |

*Trong đó:*

+ Hàng tồn kho:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| **A** | 1.000 | 40.000 | 40.000.000 |
| **B** | 2.000 | 25.000 | 50.000.000 |
| **C** | 2.000 | 15.000 | 30.000.000 |
| **D** | 2.000 | 18.000 | 36.000.000 |
| **Tổng cộng** | 7.000 |  | 156.000.000 |

(DN áp dụng phương pháp FIFO trong tính trị giá hàng tồn)

Trong tháng 12 có các giao dịch xảy ra như sau:

1. Ngày 1, xuất bán các mặt hàng 700 hàng A, 1.200 hàng B, 1.500 hàng c cho khách hàng tại Bình Dương. Các chứng từ liên quan gồm: PXK 01/12, hóa đơn GTGT AH/2008N số 151233. Giá bán tương ứng 60.000; 35.000; 25.000 chưa thuế, thuế GTGT 10%. Khách hàng chưa nhận hàng.
2. Ngày 2, thanh toán cho người bán số tiền 50,000,000đ bằng tiền mặt, phiếu chi sổ PC 01/12.
3. Ngày 3, khách mua hàng ở ngày 1 nhận được hàng, và chuyển khoản thanh toán 25.000.000đ, còn lại thiếu nợ.
4. Ngày 7, mua hàng chưa thanh toán người bán, hàng về nhập kho. Chi tiết:

* Mặt hàng A: số lượng 100, đơn giá chưa thuế 42.000, thuế GTGT 10%; D: số lượng 200 đơn giá chưa thuế 20.000, thuế GTGT 10%.
* Kế toán làm phiếu nhập số PNK01/12 và ghi vào sổ hóa đơn GTGT AA/2008T số 012234.

1. Ngày 15, khách hàng Bình Dương nộp số tiền còn lại bằng tiền mặt. Ngân hàng báo có các khoản thu nợ các khách hàng khác 100,000,000.

**Yêu cầu:**

1. Sử dụng các chứng từ và ghi vào sổ Nhật ký chung của doanh nghiệp (DN tổ chức hệ thống sổ theo hình thức Nhật ký chung).
2. Lập Bảng cân đối tài khoản và Bảng cân đối kế toán.

**Bài 14 Trong tháng 2/2018, tại doanh nghiệp T có số liệu sau:**

1. Xuất khẩu 10.000 hàng hóa A, giá bán 10USD/hhA, TGGD thực tế 22.750 VND/USD. Thuế xuất khẩu 2%, thuế GTGT 0%. Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản. Giá xuất kho 80.000đ/hhA. Chi phí tiền mặt vận chuyển hàng ra cảng DN 1.050.000đ, trong đó đã có thuế GTGT thuế suất 5%. Chi phí tiền mặt thủ tục phí hải quan 500.000đ.

2.   Xuất bán trong nước 3 đơn vị hàng hóa B, đofn giá bán chưa VAT 1.500USD/hàng hóa B, TGGD thực tế 20.500 VND/USD, thuế suất GTGT 10%, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản. Giá vốn l.OOOUSD/hàng hóaB

3.    Trong tháng lô hàng A bán tháng trước bị trả lại 20 hàng hóa A và giảm giá cho 50 hàng hóa A, giá bán tháng trước 135.000đ/hhA, giá giảm còn lOO.OOOđ/hàng hóa, giá xuất kho 80.000đ/hh, DN trừ nợ khách hàng.

4.    Doanh nghiệp được hưởng chiết khấu thanh toán 1% giá mua hàng A (tháng trước mua hàng A giá mua 35.000.000đ) bằng tiền mặt khi thanh toán nợ tháng trước.

5.    Chi phí trả lãi vay (ngân hàng đã báo Nợ) 12.000.000đ

6.    Thu lãi tiền gửi (ngân hàng đã báo Có) 7.250.000đ

7.    Nhượng bán một TSCĐHH, nguyên giá 100.000.000d, đã hao mòn 20.000.000đ. Giá bán chưa thuế 75.000.000đ, thuế suất GTGT 10%, khách hàng thanh toán bằng TGNH. Chi phí phục vụ việc nhượng bán doanh nghiệp trả bằng tiền mặt 1.000.000đ.

8.    Chi phí bán hàng và CP quản lý doanh nghiệp phát sinh trong tháng (chưa kể các chi phí phát sinh trên) lần lượt là 40.000.000đ và 35.000.000d

**Yêu cầu:**Lập Báo cáo kết quả kinh doanh trong tháng 2 tại doanh nghiệp

[BÀI TẬP KẾ TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU ỦY THÁC](http://trungtamketoanhn.com/bai-tap-ke-toan-xuat-nhap-khau-uy-thac-i739.html)

Bài tập 1

1. Công ty A xuất khẩu trực tiếp lô hàng hóa, giá xuất kho 10.000.000đ, giá bán 1.200USD/FOB.HCM, hàng đã giao lên tàu, tiền chưa thu. TGGD: 23.100VND/USD. Thuế xuất khẩu tính 2%.

Hạch toán tại Công ty A trong bài tập kế toán tài chính doanh nghiệp:

2. Công ty A gởi hàng hóa nhờ công ty B xuất ủy thác, giá xuất kho 50.000.000đ, giá bán 6.000USD/FOB.HCM, hàng còn chờ tại cảng, công ty B đã nhận hàng.TGGD: 23.050 VND/USD.

3. Công ty A nhận được giấy báo Có của ngân hàng về việc thu tiền của khách hàng ở nghiệp vụ 1, nội dung:

– Thu tiền khách hàng: 200USD

– Trừ phí ngân hàng:     10USD và thuế GTGT 1 USD

– Ghi tăng TGNH công ty A: 1.189USD. TGGD: 23.900 VND/USD.

4. Công ty B chi tiền mặt 1.000.000đ để làm thủ tục xuất khẩu ủy thác (nghiệp vụ 2), rút TGNH 500.000đ để nộp thuế xuất khẩu thay cho công ty A. Hàng đã giao lên tàu, tiền chưa thu. TGGD 23.100 VND/USD.

5. Công ty B nhận được giấy báo ngân hàng về xuất ủy thác cho A, nội dung:

– Thu tiền khách hàng: 6.000USD

– Trừ phí ngân hàng (công ty A chịu): 50USD và thuế GTGT 5 USD tính thuế cho công ty B khấu trừ

– Ghi tăng TGNH công ty B: 5.945USD. TGGD: 23.090 VND/USD

6. Công ty B và công ty A đối chiếu công nợ và thanh lý hợp đồng:

– Công ty B chuyển ngoại tệ 945USD TGNH cho công ty A, sau khi trừ phí ngân hàng (Cty B xuất lại HĐơn chi phí cho công ty A). TGGD: 23.020VND/USD

– Côngty A thanh toán lại tiền thuế và chi phí xuất khẩu cho công ty B là

1.500.000đ và tiền hoa hồng ủy thác xuất 20USD quy ra đồng. TGGD:

23.020VND/USD, thuế suất GTGT hoa hồng 10%. Tất cả đã chuyển bằng TGNH.

Yêu cầu: Định khoản tất cả các nghiệp vụ phát sinh.

**Bài 2**. DN đang trong thời kỳ SXKD, tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tỷ giá xuất theo phương pháp nhập trước xuất trước. Ngoại tệ gửi ngân hàng tồn đầu kỳ 2.000USD. Tỷ giá ghi sổ: 15.700 VND/USD. Các TK khác có số dư hợp lý.

1. Xuất khẩu lô hàng bán 5.000USD. Tỷ giá giao dịch thực tế (TGGD):22.800 đ/$

2. Nhận giấy báo Có ngân hàng thu được nợ ở NV1, nội dung:

– Ghi tăng tài khoản TGNH: 4.980 USD

– Phí ngân hàng: 20 USD TGGD: 22.750VND/USD

1. Bán 3.000USD chuyển khoản lấy tiền Việt Nam nhập quỹ tiền mặt. TGFD 22.700đ/$.

4. Nhập khẩu một TSCĐHH trị giá 1.000 USD, trả bằng TGNH. TGGD: 22.750đ/$

5. Rút TGNH tiền Việt Nam mua 2.000USD chuyển khoản. TGGD mua: 22.820đ/$

6. Chuyển 2.000USD gửi ở ngân hàng để ký quỹ mở L/C nhập khẩu. TGGD 22.850đ/$

7. Nhập kho lô hàng hoá nhập khẩu trị giá 2.000USD chưa thanh toán.TGGD 22.900đ/$

8. L/C ở NV6 trả nợ nhập hàng ở NV7. TGGD: 22.850VND/USD.

9. Nhập khẩu hàng hoá trị giá 3.000USD nhập kho đủ. Tiền chưa thanh toán. TGGD: 15.700VND/USD.

10. Xuất khẩu lô hàng trị giá 2.000USD, tiền chưa thu. TGGD: 15.750 VND/USD.

11. Cuối năm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (TGNH và công nợ ngắn hạn) theo tỷ giá hối đoái ngoại tệ bình quân liên ngân hàng 15.750VND/USD.

Để số dư cuối năm TK 4131: SD Nợ 290.000

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ phát sinh

**Bài tập 3: Nhập khẩu ủy thác**

Công ty A vs B đều hoạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, xuất kho theo phương pháp FIFO, hạch toán ngoại tệ theo phương pháp tỷ giá thực tế, xuất ngoại tệ theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Số dư đầu kỳ:

1111 (A): 180.000.000 VND.

1121 (A): 200.000.000 VND.

1122 (A): 420.000.000 (20.000 USD x 21.000 VND/USD)

1111 (B): 150.000.000 VND.

1121 (B): 190.000.000 VND.

1122 (B): 630.000.000 (30.000USD x 21.000 VND/USD)

1. Công ty A ủy thác cho công ty B nhập khẩu hàng hóa. Công ty A chuyển khoảnứng trước cho công ty B để thực hiện nhập khẩu là 12.000 USD. Công ty B mở L/C nhập hàng trị giá 12.000 USD. Tỷ giá giao dịch thực tế là 21.050 VND/USD.
2. Công ty B thông báo hàng hóađã vềđến Cảng, công ty A đã cử người ra cảng nhận hàng. Đồng thời, hai công ty đã tiến hành thanh lý hợpđồng:

* Trị giá hàng nhập theo giá CIF là 18.000 USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 20%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Công ty B làmđầyđủ thủ tục hợp pháp, chuyển khoản TGNH Việt Nam nộp hộ thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu cho công ty A. Tỷ giá giao dịch thực tế là 21.080 VND/USD.
* Công ty B được hưởng hoa hồng là 2% trên giá trị hàng nhập. Tỷ giá giao dịch thực tế là 21.080 VND/USD.
* Công ty B chi hộ công ty A: chi phí vận chuyển 800.000 VND, lệ phí hải quan 200.000 VND. Tất cảđều trả bằng tiền mặt Việt Nam.

1. Chi phí vận chuyển hàng hóa từ Cảng về kho, công ty A đã thanh toán bằng tiền mặt Việt Nam là 500.000 VND.
2. Đến kỳ hạn thanh toán:

* Công ty B nhậnđược giấy báo Nợ của ngân hàng với nội dung: Giải tỏa L/C trả tiền cho người bán 18.000 USD và thủ tục phí ngân hàng 50 USD trừ vào TGNH của công ty B. Tỷ giá giao dịch thực tế là 21.100 VND/USD.
* Công ty A thanh toán tiền hàng còn thiếu cho công ty B bằng TGNH ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế là 21.100 VND/USD.
* Công ty B gửi các chứng từ thuế và hoa hồng yêu cầu công ty A thanh toán. Công ty A đã dùng TGNH Việt Nam thanh toán phí ngân hàng và hoa hồngủy thác. Tỷ giá giao dịch thực tế là 21.100 VND/USD.
* Công ty A chi tiền mặt Việt Nam thanh toán cho công ty B tiền thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, chi phí vận chuyển, lệ phí hải quan.

**Bài tập 4: Xuất khẩu ủy thác.**

Công ty A vs B đều hoạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, xuất kho theo phương pháp FIFO, hạch toán ngoại tệ theo phương pháp tỷ giá thực tế, xuất ngoại tệ theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Số dư đầu kỳ:

1111 (A): 80.000.000 VND.

1121 (A): 100.000.000 VND.

1122 (A): 205.000.000 (10.000 USD x 20.500 VND/USD)

1111 (B): 56.000.000 VND.

1122 (B): 164.000.000 (8.000 USD x 20.500 VND/USD)

1. Công ty A nhờ công ty B xuất khẩuủy thác lô hàng cho khách hàng X ở nước ngoài, giá xuất kho của lô hàng là100.000.000 đồng, giá bán 5.000 USD/FOB.HCM. Công ty A đã giao hàng cho công ty B.
2. Công ty B chi tiền mặt Việt Nam 500.000 đồngđể lo phí kiểm nghiệm, bốc dỡ hộ cho công ty A. Hàng hóađã làm thủ tục xong, công ty B chuyển khoản tiền Việt Nam nộp thuế hộ cho công ty A với thuế suất thuế xuất khẩu là 2%. Tỷ giá giao dịch thực tế là 20.560 VND/USD.
3. Công ty B nhận được giấy báo Có của ngân hàng về số tiền khách hàng X thanh toánở NV1 với nội dung:

* Thu tiền khách hàng là 5.000 USD.
* Ghi tăng tiền gửi ngân hàng của công ty B là 4.945USD. Tỷ giá giao dịch thực tế là 20.580 VND/USD.
* Trừ thủ tục phí ngân hàng là 55USD, (gồm thuế GTGT 10%)

1. Hai công ty đối chiếu công nợ và thanh lý hợpđồngủy thác:

* Công ty B xuất hóađơn GTGT về tiền hoa hồngđược hưởng. Hoa hồng công ty B được hưởng là 4% trên giá trị lô hàng xuất khẩu, thuế GTGT của hoa hồngủy thác là 10%. Tỷ giá giao dịch thực tế là20.600 VND/USD.
* Số tiền bán hàng (sau khi trừ phí ngân hàng)được công ty B chuyển khoản thanh toán cho công ty A. Tỷ giá giao dịch thực tế là 20.600 VND/USD.
* Các chi phí có liên quan đến việc xuất khẩu, công ty A thanh toán cho công ty B bằng tiền mặt Việt Nam.
* Tiền hoa hồng công ty A đã thanh toán cho công ty B bằng TGNH Việt Nam.

**Bài tập 5**: Xác định tỷ giá áp dụng đối với giao dịch nhận trước tiền của người mua

 Công ty M ký hợp đồng bán hàng hóa cho công ty K với giá bán chưa có thuế GTGT là 10.000USD, thuế GTGT 10%. Tại ngày 12/6/20X6, công ty K ứng trước cho công ty M 20% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là 2.200 USD. Số tiền còn lại 80% là 8.800 USD sẽ được Công ty K thanh toán khi nhận được hàng của Công ty M ngày 20/6/20X6.  
Giả sử tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 12/6/20X6 là 22.200 VNĐ/USD và tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 20/6/20X6 là 22.250 VNĐ/USD thì Công ty M sẽ sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế ngày 12/6/20X6 để ghi nhận khoản nhận ứng trước và sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế ngày 20/6/20X6 để ghi nhận số tiền còn phải thu của công ty K. Doanh thu bán hàng hóa tương ứng với số tiền ứng trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 12/6/20X6 và phần doanh thu tương ứng với số tiền còn lại được ghi nhận theo tỷ giá giao dich thực tế tại ngày 20/6/20X6 là ngày giao hàng hóa.

**Bài tập 6**: Xác định tỷ giá áp dụng đối với giao dịch trả tiền trước tiền mua TSCĐ cho người bán.

            Công ty M ký hợp đồng mua TSCĐ của công ty K về dùng ngay với giá mua chưa có thuế GTGT là 10.000USD, thuế GTGT 10%. Tại ngày 2/5/20X6, công ty ứng trước cho công ty K 30% giá trị hợp đồng số tiền là 3.300 USD. Số tiền còn lại 70% là 7.700 USD sẽ được Công ty M thanh toán cho công ty K khi nhận được TSCĐ ngày 30/5/20X6.  
Giả sử tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 2/5/20X6 là 22.100 VNĐ/USD và tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 30/5/20X6 là 22.200 VNĐ/USD thì Công ty M sẽ sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế ngày 2/5/20X6 để ghi nhận số tiền còn phải trả công ty K. Giá mua TSCĐ tương ứng với số tiền nhận ứng trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 2/5/20X6 và phần doanh thu tương ứng với số tiền còn lại được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 30/5/20X6 là ngày nhận TSCĐ.

**Bài tập 7**: Xác định tỷ giá áp dụng đối với giao dịch trả trước tiền mua hàng tồn kho cho người bán.

            Công ty A ký hợp đồng mua hàng tồn kho của công ty B với giá mua chưa có thuế GTGT là 10.000 USD, thuế GTGT 10%. Tại ngày 1/3/20X6, công ty A ứng trước cho công ty B 40% giá trị hợp đồng số tiền là 4.400 USD. Số tiền còn lại 60% là 6.600 USD sẽ đươc Công ty A thanh toán cho công ty B khi nhận được hàng tồn kho ngày 15/3/20X6.  
Giả sử tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 1/3/20X6 là 22.200 VNĐ/USD và tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 15/3/20X6 là 22.100 VNĐ/USD thì Công ty A sẽ sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế ngày 1/3/20X6 để ghi nhận khoản ứng trước cho công ty B và sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế ngày 15/3/20X6 để ghi  nhận số tiền còn phải trả công ty B. Giá mua hàng tồn kho tương ứng với số tiền nhận ứng trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 1/3/20X6 và phần giá mua hàng tồn kho tương ứng với số tiền còn lại được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 15/3/20X6 là ngày nhận hàng tồn kho.

Bài tập **8**

Doanh nghiệp A có thông tin về tình hình ngoại tệ của một số tài khoản kế toán tháng 5/20X6 như sau (Giả định trong kỳ doanh nghiệp chỉ có một số giao dịch này):  
1) Tài khoản tiền gửi ngân hàng:

-Số dư đầu tháng 5:  20.000$ x 22.230

-Các giao dịch phát sinh trong kỳ:

+ Ngày 3/5: Thu nợ bằng tiền gửi ngân hàng, số tiền 4.000$, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.180  
+ Ngày 10/5: Bán hàng thu bằng tiền gửi ngân hàng, số tiền 6.000$, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.240đ/$

+ Ngày 15/5: Chuyển tiền gửi ngân hàng trả nợ người bán, số tiền 5.000$

2) Tài khoản phải thu của khách hàng Y:

-Số dư đầu tháng 5: 10.000 $ x 22.300đ/$

-Các giao dịch phát sinh trong kỳ:

+Ngày 4/5: Bán hàng hóa cho khách hàng Y nhưng chưa thu được tiền, số tiền 5.000$, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.250đ/$

+Ngày 15/5: Bán sản phẩm cho khách hàng Y chưa thu được tiền, số tiền là 3.000$, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.200đ/$

+ Ngày 26/5: Thu nợ của khách hàng Y, số tiền 5.000 $

3) Tài khoản phải trả người bán Z:

-Số dư đầu tháng 5: 30.000$ x 22.250đ/$

-Các giao dịch phát sinh trong kỳ

+Ngày 7/5: Mua hàng hóa của người bán Z chưa trả tiền, số tiền 6.000 $, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.280đ/$

+Ngày 10/5: Mua nguyên vật liệu của người bán Z chưa thu tiền, số tiền là 9.000$, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.300đ/$

+ Ngày 22/5: Thanh toán nợ phải trả cho người bán Z, số tiền: 8.000 $

4)  Tài khoản phải trả người bán X

-Số dư đầu tháng 5: 50.000 $ x 22.280đ/$

-Các giao dịch phát sinh trong kỳ:

+Ngày 13/5: Mua TSCĐ hữu hình của người bán X chưa thu tiền, số tiền 25.000 $, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.300đ/$

+Ngày 18/5: Mua TSCĐ vô hình của người bán X chưa trả tiền, số tiền là 20.000$, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.250đ/$

+Ngày 25/5: Thanh toán nợ phải trả cho người bán X, số tiền: 20.000$

**Bài tập 9:** Xác định tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế

Xác định tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh đối với bên Có tài khoản phải thu, bên Nợ tài khoản phải trả.

1) Công ty X ký hợp đồng bán hàng hóa cho công ty Y với giá bán cả thuế GTGT là 22.000USD. Tại ngày 7/4/20X6, công ty Y ứng trước cho công ty X số tiền là 2.000 USD, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.100 VNĐ/USD. Số tiền còn lại là 20.000 USD được Công ty Y thanh toán khi nhận được hàng của Công ty X ngày 17/4/20X6, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.150 VNĐ/USD.

2) Công ty X ký hợp đồng mua hàng tồn kho của công ty Z với giá mua cả thuế GTGT là 11.000 USD. Tại ngày 16/6/20X6, công ty X đã ứng trước cho công ty Z số tiền là 3.000 USD, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.140. Số tiền còn lại là 8.000 USD Công ty X thanh toán khi nhận được hàng của Công ty Z ngày 26/6/20X6, tỷ giá giao dịch thực tế là 22.180đ/$**.  
Bài tập 10**: Hạch toán mua TSCĐ bằng ngoại tệ

Hạch toán mua TSCĐ thanh toán bằng ngoại tệ theo phương thức nhập khẩu trực tiếp:   
-Ngày 5/1/20X3, Công ty A ở Việt Nam mua một TSCĐ đưa ngay vào sử dụng của Công ty X ở Pháp, chưa thanh toán, giá mua (bằng giá tính thuế nhập khẩu) là 28.000€, thuế suất thuế nhập khẩu 20%, thuế suất thuế GTGT của TSCĐ nhập khẩu là 10%. Tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng Việt Nam và đồng Euro ngày 05/1/20X3 là 1€ = 32.500VNĐ.  
- Ngày 5/3/20X3, Công ty A thanh toán bằng chuyển khoản toàn bộ số nợ mua TSCĐ cho công ty X

+ Trường hợp 1: Công ty A sử dụng tỷ giá ghi sổ để hạch toán bên Có TK tiền và bên Nợ TK phải trả

+ Tình huống 1: Giả sử ngày 5/3/20X3 Công ty A thanh toán bằng chuyển khoản toàn bộ số nợ mua TSCĐ hữu hình cho công ty X. Tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản tiền gửi ngân hàng là 1€ 33.000 VNĐ. Doanh nghiệp áp dụng tỷ giá ghi sổ để hạch toán tài khoản tiền gửi ngân hàng. Tỷ giá giao dịch thực tế ngày 5/3/20X3 là 32.400VNĐ/€.

+Tình huống 2: Giả sử ngày 5/3/20X3 Công ty A thanh toán bằng chuyển khoản toàn bộ số nợ mua thiết bị cho Công ty X. Tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản tiền gửi ngân hàng là 1€ = 32.000 VNĐ. Tỷ giá giao dịch thực tế ngày 5/3/20X3 là 32.400 VNĐ/€.)

-Trường hợp 2: Giả sử công ty A sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán bên Có TK tiền và bên Nợ TK phải trả.

+ Phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ:

**Bài tập 11**: Bán hàng hóa thu bằng ngoại tệ

 Ngày 15/2/20X3, Công ty A ở Việt Nam bán hàng hóa cho Công ty Y ở Đức, giá bán hàng hóa là 9.000 €, tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng Việt Nam và đồng Euro ngày 15/2/20X3 là 1 € = VNĐ; giá vốn hàng hóa là 209 triệu đồng. Ngày 15/8/20X3, Công ty Y đã trả nợ cho Công y A là 9.000 €.

Tại ngày 15/8/20X3, Công ty Y trả nợ cho Công ty A:

Trường hợp 1: Công ty A sử dụng tỷ giá ghi sổ để hạch toán bên Có TK 131  
 Tình huống 1: Giả sử ngày 15/8/20X3, Công ty A nhận được 9.000 € do Công ty Y thanh toán nợ bằng chuyển khoản. tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng Việt Nam và đồng Euro tại ngày 15/8/20X3 là 1 € = 28.500 VNĐ.

Tình huống 2: Giả sử ngày 15/8/20X3, Công ty A nhận được 9.000 € do công ty Y thanh toán nợ bằng chuyển khoản. Tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng Việt Nam và đồng Euro tại ngày 15/8/20X3 là 1 € = 27.500 VNĐ.Trường hợp 2: Công ty A sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán bên Có TK 131

Tình huống 1: Giả sử ngày 15/8/20X3, Công ty A nhận được 9.000 € do Công ty Y thanh toán nợ bằng chuyển khoản. tỷ giá giao dịch thực tế giữa Việt Nam và đồng Euro tại ngày 15/8/20X3 là 1 € = 28.500 VNĐ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh ghi nhận ngay hoặc định kỳ vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ của Công ty A:

Tình huống 2: Giả sử ngày 15/8/20X3 Công ty A nhận được 9.000 € do công ty Y thanh toán nợ bằng chuyển khoản. tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng Việt Nam và đồng Euro tại ngày 15/8/20X3 là 1 € = 27.500 VNĐ.

Khoản chênh lệch giữa tỷ giá hối đoái ghi nhận ngay hoặc định kỳ vào chi phí tài chính trong kỳ của Công ty A.

**Bài tập 12**: Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh liên quan đến ngoại tệ

Công ty CP ABC là công ty kinh doanh cho thuê văn phòng cao cấp (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên) đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa tháp đôi từ tháng 1/20X2. Thời gian đầu tư xây dựng dự kiến hoàn thành tòa tháp đôi đến khi đi vào hoạt động là 3 năm. Công ty ABC sử dụng tỷ giá ghi sổ để hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:  
1/Ngày 15/3/20X2, Công ty đã vay của Ngân hàng ANZ số tiền là 300.000 USD cho mục đích xây dựng tòa nhà. Thời hạn vay 5 năm. Lãi suất 3%/năm. tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng USD và đồng Việt Nam tại ngày 15/3/20X3 là 1 USD = 20.900 VNĐ.

2/ Ngày 25/09/20X2, Công ty mua sơn tường về nhập kho của Công ty Q ở Hàn Quốc với trị giá hàng mua là 20.000$, thuế suất thuế nhập khẩu 20%, thuế suất thuế GTGT của sơn tường nhập khẩu là 10%. Công ty đã thanh toán toàn bộ cho người bán bằng chuyển khoản. tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng Việt Nam và đồng Đô la ngày 25/9/20X2 là 1$ = 20.600 VNĐ, tỷ giá ghi sổ kế toán tài khoản tiền gửi ngân hàng là 1$ = 21.000 VNĐ.

3/ Ngày 19/3/20X3, Công ty mua sàn gỗ cao cấp về nhập kho từ Công ty Picenza của Đức chưa trả tiền cho người bán, với trị giá hàng mua là 35.000 €, thuế suất thuế nhập khẩu 20%, thuế suất thuế GTGT của sàn gỗ nhập khẩu là 10%. tỷ giá giao dịch thực tế giữa đồng Việt Nam và đồng Euro ngày 19/3/20X3 là 1 € = 28.500 VNĐ. Chi phí vận chuyển sàn gỗ từ Hải Phòng về đến Công ty là 7 triệu đã thanh toán bằng chuyển khoản.

4/ Ngày 19/6/20X3, Công ty ABC đã chuyển khoản trả nợ cho Công ty Picenza số tiền mua sàn gỗ ngày 19/3/20X3. Tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản tiền gửi ngân hàng là 1 € = 28.000 VNĐ.

5/Ngày 28/9/20X3, Công ty ký hợp đồng với Công ty Fruiji ở Nhật Bản về việc mua 2 thang máy của Nhật. Trị giá mua là 450.000 JPY, thuế suất thuế nhập khẩu là 20%, thuế suất thuế GTGT thang máy nhập khẩu 10%. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng Yên Nhật ngày 28/6/2007 là 1JPY = 174 VNĐ. Chi phí vận chuyển thang máy từ Hải Phòng về công trình là 9 triệu đồng, đã trả bằng tiền mặt. Thời hạn thanh toán cho công ty Fruiji là 4 tháng kể từ ngày mua.

6/ Ngày 28/10/20X3, Công ty ABC đã chuyển khoản trả nợ cho Công ty Fruiji số tiền mua thang máy ngày 28/6/20X3. Tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản tiền gửi ngân hàng là 1 JPY = 180 VNĐ.